

**Mẫu CBTT/SGDHCM-06**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của  
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG**  
Số: 0#/2018/CBTT-TTCT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
Tp.HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: 08.38634999

Fax: 08.38634888

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thế Vinh

Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: Di động: 0906909966; Cơ quan: 08.38634999

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng!

Người công bố thông tin



*Nguyễn Thế Vinh*



TTC HOSPITALITY



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

# MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

VI. CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



# I. THÔNG TIN CHUNG



# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1.1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

Tên viết tắt: **TTC TOURIST**

### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty Cổ phần số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 11/07/2006 (số cũ: 4903000270). Đăng ký thay đổi lần thứ 16 do Sở KH và ĐT TPHCM cấp ngày 26/07/2017

Vốn điều lệ: **752.050.000.000** đồng

Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Số điện thoại: (+84) 28 3971 6571

Website: **www.ttctourist.vn**

Mã cổ phiếu: VNG

## 1.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

“ Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được thành lập do chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (Vinagolf). ”

### ✈ THÁNG 12/2005

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của nhà nước, UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định số 5336/QĐ.UBND về phê duyệt phương án và chuyển **Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Đà Lạt và Cần Thơ thành Công ty cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (VINAGOLF)**. Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty VINAGOLF được tiến hành vào ngày 30/06/2006, giấy đăng ký kinh doanh được cấp vào ngày 11/07/2006, với tỉ lệ vốn góp của Công ty Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh BR-VT) là: 51% và các nguồn vốn góp của các đối tượng khác chiếm tỉ lệ 49%.

### ✈ NGÀY 17/12/2009

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với giá giao dịch ngày đầu tiên là **16.000 đồng/cổ phiếu**.

### ✈ NGÀY 01/4/2012

**Công ty VINAGOLF thành lập 02 (hai) Công ty con TNHH Một thành viên do VINAGOLF sở hữu 100% vốn** trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh của 02 khách sạn Golf 3 tại Đà Lạt và Khách sạn golf Hội An Thành phố Hội An.

### ✈ NGÀY 27/12/2014

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam đã được Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 10, chuyển đổi tên gọi thành **Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**.



## 1.3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn TTC Hotel Premium - Cần Thơ).

### Địa bàn kinh doanh và hệ thống khách sạn

#### Thành phố Cần Thơ

- Khách sạn TTC Premium Cần Thơ
- Tiêu chuẩn: 4 sao
- Địa chỉ: số 02 Hai Bà Trưng, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ
- Điện thoại: 0292.3812210



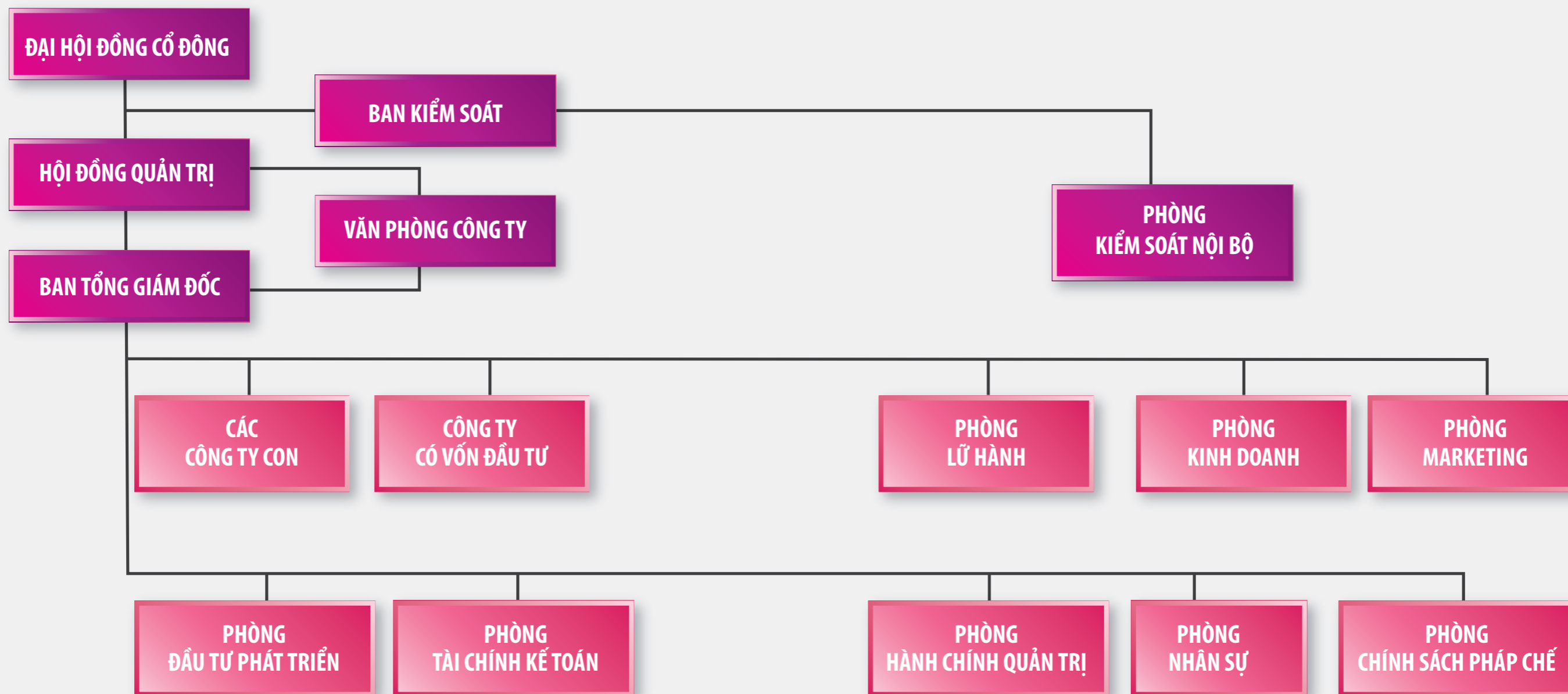
#### Thành phố Đà Lạt

- Khách sạn TTC Premium Đà Lạt
- Tiêu chuẩn: 4 sao
- Địa chỉ: 04 Nguyễn Thị Minh Khai, Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: 0263.3826042





## 1.4. THÔNG TIN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY





## Công ty con

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BẾN TRE**

**Cơ sở kinh doanh dịch vụ:** Nhà hàng – Khách sạn tại Nhà hàng Đồng Khởi 2, Khách sạn Bến Tre, Nhà hàng nổi Bến Tre, Nhà hàng Đông Châu, Đồng Khởi Palace

**Điện thoại:** 0275 822 392

**Địa chỉ:** 16 Hai Bà Trưng, Phường 2, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

**Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:** Dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống, kinh doanh lữ hành Nội địa & Quốc tế.

**Vốn điều lệ:** 48.590.000.000 đồng





## Công ty con

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH BÌNH**

Cơ sở kinh doanh dịch vụ: Nhà hàng – Khách sạn

Điện thoại: (028) 3971 6568 – 3971 6569

Địa chỉ: 15 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Tân Bình, Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Khách sạn, Nhà hàng trên địa bàn TP.HCM với quy mô hơn 140 phòng nghỉ tiện nghi, nội thất sang trọng

Vốn điều lệ: **90.000.000.000** đồng





## Công ty con

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THẮNG LỢI**

Cơ sở kinh doanh dịch vụ: Nhà hàng – Khách sạn

Điện thoại: 0258 3821 905

Địa chỉ: Số 04 Pasteur, Phường Xương Huân, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Dịch vụ lưu trú

Vốn điều lệ: 283.698.770.000 đồng





## Công ty con

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG LÂM ĐỒNG**

Cơ sở kinh doanh dịch vụ: Nhà hàng – Khách sạn

Điện thoại: 02633 528 888

Địa chỉ: 03-05-07 đường Mai Anh Đào, P. 8, Tp Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Nhà hàng, phòng ở, phòng hội nghị và tổ chức mọi loại hình tiệc.

Vốn điều lệ: **344.433.660.000** đồng





## Công ty liên kết

### CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VINAGOLF ANGKOR

Được sự chấp thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 451/BKHĐT-ĐTRNN ngày 16/6/2011, Công ty Vinagolf (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công) tiến hành thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Co.0602KH/2011 do Bộ Thương Mại – Vương Quốc Campuchia cấp ngày 26/7/2012

Vốn điều lệ 1.900.000 USD trong đó Vinagolf góp 49% vốn. Tháng 7/2013, Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor tăng vốn điều lệ 2.430.000 USD theo Giấy phép số 3704/BTM ngày 24/6/2013 của Bộ Trưởng Bộ Thương mại Vương Quốc Campuchia, theo đó, Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor góp thêm 259.700 USD tương đương 5,4 tỷ đồng nâng tổng số vốn góp của Công ty lên 1.190.700 USD và nắm giữ 49% cổ phần trong Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor.





## 1.5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của công ty trên cơ sở: ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh, tìm đối tác để hợp tác phát triển các dự án có nhu cầu vốn lớn.
- Nâng cấp các khách sạn hiện có của Công ty để giữ vững và phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư để mở rộng địa bán kinh doanh các dịch vụ du lịch lữ hành và dịch vụ khách sạn, nhà hàng... ở trong và ngoài nước.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đẩy mạnh xây dựng phát triển thương hiệu và công nghệ quản lý; Phát triển nguồn nhân lực đạt tiêu chuẩn ngang tầm các đơn vị kinh doanh ngành Du lịch – Khách sạn trong nước và Quốc tế, nhằm tạo sự phát triển ổn định, bền vững trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường kinh doanh, cân nhắc nội lực của công ty trong giai đoạn mới, nghiên cứu triển khai thêm các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh mới có hiệu quả để tạo thêm doanh số cho Công ty và nguồn thu mới.

## 1.6. RỦI RO VỀ KINH TẾ

### Rủi ro về kinh tế

- Ít hay nhiều, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự tác động của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Để hạn chế rủi ro của tác động này, Ban lãnh đạo công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

### Rủi ro kinh doanh

- Bên cạnh việc hội nhập phát triển, hoạt động của công ty cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cả trong nước và ngoài nước. Với số lượng lớn các tập đoàn, công ty hoạt động trong lĩnh vực du lịch cả nội địa và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam, Công ty đã phải luôn cải thiện chất lượng dịch vụ đồng thời phải cập nhật giá cạnh tranh để giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

### Rủi ro bất khả kháng

- Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, bão lụt... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua các bảo hiểm tại các Khách sạn.

# II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM:

#### 2.1. DOANH THU

##### Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2017

Đvt: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	NĂM 2016	% +/- 2017 so 2016
1	Tổng doanh thu	925,699	247,568	274%
3	Doanh thu thuần	925,686	247,568	274%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	28,666	33,142	-14%
4	Thu nhập khác	20,561	18,664	10%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	NĂM 2016	% +/- 2017 so 2016
1	Tổng doanh thu	339,284	121,713	179%
3	Doanh thu thuần	339,284	121,713	179%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	20,880	20,641	1%
4	Thu nhập khác	772	7,514	-90%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

#### 2.2 CHI PHÍ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	NĂM 2016	% +/- 2017 so 2016
1	Giá vốn hàng bán	665,629	225,378	195%
3	Chi phí hoạt động tài chính	64,157	11,548	456%
3	Chi phí bán hàng	40,934	7,451	449%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	126,397	27,574	358%
5	Chi phí khác	19,436	17,538	11%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	NĂM 2016	% +/- 2017 so 2016
1	Giá vốn hàng bán	282,819	103,087	174%
3	Chi phí hoạt động tài chính	11,237	5,157	118%
3	Chi phí bán hàng	18,171	6,700	171%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30,451	18,441	65%
5	Chi phí khác	5,482	6,312	-13%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

#### 2.3 LỢI NHUẬN

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	NĂM 2016	% +/- 2017 so 2016
1	Lợi nhuận trước thuế	58,850	9,795	501%
2	Lợi nhuận sau thuế	35,735	6,007	495%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017	NĂM 2016	% +/- 2017 so 2016
1	Lợi nhuận trước thuế	12,776	10,172	26%
2	Lợi nhuận sau thuế	6,303	7,605	-17%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)





## 2.4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban lãnh đạo Công ty

#### a. Thành viên Hội đồng quản trị



Ông **Nguyễn Thế Vinh**  
 Chủ tịch HĐQT  
 Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



Bà **Nguyễn Thái Hà**  
 Phó chủ tịch HĐQT  
 Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



Ông **Đặng Huỳnh Anh Tuấn**  
 Thành viên HĐQT  
 Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



Ông **Trần Mẫn**  
 Thành viên HĐQT  
 Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



Bà **Phan Thị Hồng Vân**  
 Thành viên HĐQT  
 Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



**b. Thành viên Ban TGD**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ NẮM GIỮ CP	GHI CHÚ
1	<b>PHAN THỊ HỒNG VÂN</b>	Tổng Giám đốc	0%	
2	<b>LÊ THANH HUỲNH CANG</b>	Phó Tổng Giám đốc thường trực	0%	Bổ nhiệm ngày 10/08/2017
3	<b>PHAN MINH TRÍ</b>	Phó Tổng Giám đốc	0%	Tái bổ nhiệm ngày 28/09/2017
4	<b>NGUYỄN THỊ HUỆ TRINH</b>	Giám đốc tài chính	0%	
	<b>BÙI TẤN KHẢI</b>	Kế toán trưởng	0%	

**c. Thành viên BKS**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ NẮM GIỮ CP	GHI CHÚ
1	<b>HOÀNG MẠNH TIẾN</b>	Trưởng BKS	0%	
2	<b>HOÀNG NGỌC HIỆU</b>	TV BKS	0%	Bổ nhiệm ngày 19/07/2017
3	<b>NGUYỄN TRẦN HẰNG PHƯƠNG</b>	TV BKS	0%	

**d. Những thay đổi trong Ban điều hành**

- Ngày 19/07/2017, HĐQT đã bầu bổ sung Ông Hoàng Ngọc Hiệu làm Thành viên Ban kiểm soát;
- Ngày 10/08/2017, HĐQT bổ nhiệm Ông Lê Thanh Huỳnh Cang làm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty;
- Ngày 28/09/2017, HĐQT tái bổ nhiệm Ông Phan Minh Trí làm Phó Tổng Giám đốc Công ty.

**Số lượng cán bộ, nhân viên**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017 là 349 người

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
<b>A. Phân theo đối tượng lao động</b>	349	
- Lao động trực tiếp	206	59%
- Lao động gián tiếp	143	41%
<b>B. Phân theo trình độ lao động</b>	349	
- Trình độ đại học và trên đại học	172	49.3%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	81	23.2%
- Lao động phổ thông	96	27.5%

- Bên cạnh hoạt động kinh doanh, công ty cũng quan tâm sát sao đến công tác xây dựng tổ chức, xây dựng đội ngũ, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Hằng năm, công ty tổ chức đào tạo tại chỗ đồng thời cử người lao động đi học nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt công tác được giao. Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động được Ban TGD rất chú trọng, tạo điều kiện cho người lao động đạt năng suất, hiệu quả cao và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.
- Chế độ đãi ngộ đối với người lao động: Toàn thể người lao động trong công ty đều được tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của Nhà nước đồng thời môi trường làm việc luôn được đảm bảo an toàn, sạch sẽ.
- Hằng năm, công ty đều tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát, tổ chức các chương trình mừng Ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày Phụ nữ Việt Nam, sinh nhật...

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu:** Hoạt động của công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ lưu trú thuộc lĩnh vực dịch vụ. Vì vậy, việc quản lý nguồn nguyên vật liệu đối với công ty là chưa cần thiết.
- Tiêu thụ năng lượng:** Năng lượng phục vụ cho hoạt động thương mại của Công ty chủ yếu là điện năng. Nguồn điện được công ty sử dụng hết sức tiết kiệm để giảm chi phí đầu vào nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, việc sử dụng tiết kiệm nguồn điện góp phần ổn định hoạt động cung cấp điện của Nhà nước hiện nay nói chung.
- Tiêu thụ nước:** Rất hạn chế, chủ yếu là phục vụ cho hoạt động chăm sóc cây xanh trong khuôn viên công ty và sinh hoạt hằng năm của người lao động.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:** Công tác vệ sinh môi trường và thực hiện văn hóa công sở văn minh, xanh, sạch, đẹp được thực hiện rất nghiêm túc và nề nếp.
- Chính sách liên quan đến người lao động:** Ban lãnh đạo công ty phối hợp với các đoàn thể nghiêm túc thực hiện các quy định của Nhà nước cũng như các quy định nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động, tiền lương và thu nhập cũng như các chế độ chính sách liên quan đến người lao động được thực hiện đầy đủ, có cải thiện trên tinh thần năm sau tốt hơn năm trước. Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định cho người lao động.
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương:** Hằng năm, công ty đều chú trọng đến các hoạt động công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, hiến máu nhân đạo.
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** không.





## 2.5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

**75.205.000**

Cổ phiếu

Tổng giá trị theo mệnh giá

**752.050.000.000**

đồng

Mệnh giá

**10.000**

đồng/cổ phiếu

Số cổ phiếu có quyền biểu quyết

**752.050.000.000**

đồng

### Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/04/2018

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
<b>I CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC (1+2)</b>					
1	Cổ đông tổ chức	8	36.887.912	368.879.120.000	49.04981318
2	Cổ đông cá nhân	497	34.448.265	344.482.650.000	45.80581743
<b>II CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI (3+4)</b>					
3	Cổ đông tổ chức	8	702.340	7.023.400.000	0.933900671
4	Cổ đông cá nhân	21	3.166.483	31.664.830.000	4.210468719
<b>III CỔ ĐÔNG KHÁC (5+6)</b>					
5	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0
6	Cổ đông khác	0	0	0	0





### III.

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 3.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH DU LỊCH

#### Kinh tế vĩ mô

##### Kinh tế Thế Giới

Nền Kinh tế và thương mại toàn cầu tiếp tục đà tăng trưởng, GDP ước tăng 3,6% (IMF). Khu vực Đông và Nam Á tiếp tục là khu vực tăng trưởng ấn tượng nhất, thu hút nhiều dòng vốn đầu tư và một số nền kinh tế dẫn đầu có tín hiệu lạc quan hơn.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,2%, nền kinh tế này cũng cho thấy có triển vọng khi FED tiếp tục điều chỉnh lãi suất cơ bản đồng USD lên mức 1,5%, gián tiếp ảnh hưởng đến chính sách tiền tệ và làm tăng lãi suất bình quân ở các nền kinh tế.

Tăng trưởng GDP của EU được dự báo là 2,2% và của Khu vực đồng tiền chung (Eurozone) là 2,1%, mức cao nhất kể từ khi khu vực này rơi vào cuộc khủng hoảng nợ công năm 2008.

Nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 1,5% trong năm 2017, được ghi nhận có chuỗi tăng trưởng ổn định trong nhiều năm qua và điều này chính là yếu tố cho thấy nền tảng kinh tế Nhật đang phát triển vững chắc.

Trung Quốc duy trì mức tăng trưởng 6,8%, vượt mục tiêu 6,5% mà chính phủ đặt ra.

##### Kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng GDP năm 2017 ước cả năm đạt 6,81% (GSO), đạt được kết quả này là nhờ cả 3 khu vực tăng trưởng khá đồng đều. Nông nghiệp tăng 2,9%, trong đó ngành thủy sản có mức tăng cao nhất với 5,54% do sản xuất thủy sản năm 2017 có nhiều khởi sắc so với năm 2016. Công nghiệp và xây dựng tăng 8%, trong đó ngành chế biến, chế tạo là điểm sáng của khu vực này với mức tăng 14,5%. Khu vực dịch vụ tăng 7,44%, trong đó bán buôn và bán lẻ đạt mức tăng 8,36% so với năm trước, là ngành có đóng góp cao nhất vào mức tăng trưởng chung.

Giá tiêu dùng bình quân ước cả năm khoảng 3,53%, lạm phát cơ bản khoảng 1,41%. Mặt bằng lãi suất giảm, trong đó các lĩnh vực ưu tiên giảm 0,5 - 1%. Tỷ giá ngoại tệ, thị trường vàng, giá trị đồng tiền Việt Nam ổn định. Mức dự trữ ngoại hối đã tăng lên trên 51,5 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Vốn FDI đăng ký mới đạt 29,7 tỷ USD, tăng 44,2%, và FDI thực hiện đạt kỷ lục 17,5 tỷ USD, tăng 10,8%.

**Xuất khẩu** đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1%, trong đó một số mặt hàng chủ lực tăng khá so với năm trước

như điện thoại và linh kiện tăng 31,4%; dệt may tăng 8,8%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 36,5%; giày dép tăng 12,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 26,4%; thủy sản đạt tăng 18,5%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 9,2%. Về thị trường xuất khẩu Hoa Kỳ vẫn là thị trường dẫn đầu, tiếp đến là EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc.

**Nhập khẩu** 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%, chủ yếu nhập nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 192,9 tỷ USD, tăng 21,1% và chiếm 91,4% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp đến là Hàn Quốc, ASEAN, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ.

**Thị trường chứng khoán** đạt gần 1.000 điểm, đạt mức cao nhất kể từ năm 2008 (ngày 29/12/2017 đạt 984.24 điểm), vốn hóa đạt trên 93% GDP; thị trường chứng khoán phái sinh cũng chính thức được đưa vào hoạt động.

### Tình hình phát triển Du lịch trong năm 2017

#### Du lịch Thế giới

Theo báo cáo WTTC, năm 2017 ngành Du lịch toàn cầu tăng trưởng 3,8% và đóng góp 3,1% vào GDP thế giới. Khu vực Châu Á tiếp tục dẫn đầu về tăng trưởng, trong đó Đông Nam Á tăng 7,3%, Nam Á tăng 6,6%. Khách du lịch toàn cầu đạt 1,29 tỷ lượt khách, tăng 4,5% so với cùng kỳ.

#### Du lịch Việt Nam

Trong năm 2017, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống có mức tăng trưởng khá cao 8,98% so với mức tăng 6,70% của năm 2016 và đóng góp 3,85% vào GDP cả nước.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống trong năm 2017 đạt 495 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 12%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng khá mạnh do lượng khách quốc tế và du lịch trong nước năm nay tăng mạnh, đồng thời hoạt động ăn uống ngoài gia đình không còn bị ảnh hưởng của sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung năm 2016.

Trong năm 2017, khách du lịch trong nước ước cả năm 75 triệu lượt, tăng 12%, mức tăng trưởng đạt kỷ lục. Khách quốc tế đến nước ta trong năm ước tính đạt 12,9 triệu lượt khách, tăng 29,1% so với năm trước (tăng 2,9 triệu lượt khách). Xét theo nguồn khách đến trong năm nay thì khách đến nước ta từ châu Á đạt 9.762,7 nghìn lượt khách, tăng 34,4% so với năm trước (khách đến từ Trung Quốc chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 4.008,3 nghìn lượt khách, tăng 48,6% và khách Hàn Quốc 2.415,2 nghìn lượt khách, tăng 56,4% - đây là thị trường tăng trưởng cao nhất); khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.885,7 nghìn lượt khách, tăng 16,6% (trong đó khách Nga chiếm tỷ trọng lớn và tăng trưởng mạnh, đạt 574,2 nghìn lượt khách, tăng 32,3%); khách đến từ châu Mỹ đạt 817 nghìn lượt khách, tăng 11,1% (trong đó khách đến từ Hoa Kỳ đạt 614,1 nghìn lượt khách, tăng 11,1%); khách đến từ châu Úc đạt 420,9 nghìn lượt khách, tăng 14,3%; khách đến từ châu Phi đạt 35,9 nghìn lượt khách, tăng 25,6%.

### Các yếu tố ảnh hưởng đến ngành Du lịch Việt Nam năm 2017

Ngoài những yếu tố tự nhiên vốn sẵn có, sự nỗ lực của toàn ngành, một số chính sách từ phía chính phủ cũng đã góp phần tạo kết quả khả quan cho ngành du lịch trong năm 2017. Việc ban hành Nghị quyết Trung ương 8 về "Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn" và việc thông qua luật Du lịch (sửa đổi) trong năm là cơ sở quan trọng để xây dựng các chính sách phát triển, đầu tư vào địa bàn trọng điểm, khắc phục vấn đề tồn tại và cải thiện chất lượng dịch vụ của ngành du lịch.

Ở các địa phương, nhất là các địa phương trọng điểm du lịch, nhiều dự án mới của các nhà đầu tư chiến lược hoàn thành, đưa vào khai thác đã góp phần nâng cao năng lực phục vụ du khách cũng như khả năng tiếp nhận khách từ các phân khúc thị trường khác nhau.

Ngoài ra, ngành du lịch đã có nhiều chính sách, biện pháp nhằm thu hút khách du lịch, tăng cường xúc tiến quảng bá, giới thiệu du lịch Việt Nam tại những thị trường trọng điểm như Úc, Nhật Bản, các nước châu Âu, ASEAN (Thái



Lan, Malaysia, Indonesia). Tiếp tục miễn thị thực cho công dân 5 nước Tây Âu (Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Ý), đồng thời tham gia các hội chợ du lịch quốc tế, tổ chức đón các đoàn đến khảo sát du lịch Việt Nam.

### 3.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH DOANH NĂM 2017

#### Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ:

Tổng doanh thu của Công ty năm 2017 đạt 339 tỷ đồng đạt 112% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 12,776 tỷ đồng đạt 125% so với kế hoạch 10,2 tỷ đồng, cụ thể như sau:

#### Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	THỰC HIỆN 2017	THỰC HIỆN 2016	SO SÁNH	
				SO KH	SO CK
<b>KẾT QUẢ HĐKD</b>	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
Tổng doanh thu	304.000	339.284	121.713	112%	279%
Lợi nhuận trước thuế	10.200	12.776	10.172	125%	126%

#### KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2017 CỦA CÔNG TY (BÁO CÁO HỢP NHẤT)

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2017 đạt 925,7 tỷ đồng tăng 374% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế đạt 58,85 tỷ tăng 601% so với năm 2016, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	THỰC HIỆN 2017	THỰC HIỆN 2016	SO SÁNH	
				SO KH	SO CK
<b>KẾT QUẢ HĐKD</b>	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
Tổng doanh thu	749.000	925.699	247.567	124%	374%
Lợi nhuận trước thuế	35.100	58.850	9.795	125%	601%

### Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất

#### Báo cáo tài chính riêng

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2017 đạt 987 tỷ đồng tăng 197% so với đầu năm, tương đương 655 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tài sản chủ yếu là do trong năm tăng vốn điều lệ 622 tỷ để đầu tư mua cổ phần các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch.

Tổng nợ/TTS và VCSH đều giảm do Công ty vừa mới huy động nguồn vốn từ vốn chủ sở hữu cho thấy khả năng tự chủ tài chính cao. Các hệ số thanh toán có xu hướng tăng nhẹ cho thấy khả năng thanh toán khoản nợ của Công ty ngày càng tốt.

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2017	01/01/2017	THAY ĐỔI	% THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản	987.421	332.131	655.290	197%
2	Vốn chủ sở hữu	773.241	145.050	628.191	433%
3	Tổng nợ/Tổng TS (%)	22%	56%	-34%	-61%
4	Tổng nợ/VCSH (%)	28%	129%	101%	79%
5	Nợ DH/VCSH (%)	11%	37%	26%	70%
6	Thanh toán ngắn hạn (lần)	0,78	0,76	0,02	3%
7	Thanh toán nhanh (lần)	0,77	0,75	0,02	3%

#### Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2017 đạt 1.606 tỷ đồng tăng 286% so với đầu năm, tương đương 1.190 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tổng tài sản chủ yếu là do trong năm Công ty đã sở hữu các công ty con: Công ty Cổ phần Du Lịch Thanh Bình, Công ty Cổ phần Du Lịch Thăng Lợi, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng nên đã hợp nhất tài sản của các công ty con vào năm 2017.

Các chỉ số Tổng nợ/ TTS và VCSH đều giảm cho thấy khả năng tự chủ tài chính cao, các hệ số thanh toán tăng và đang ở mức an toàn.

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2017	01/01/2017	THAY ĐỔI	% THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản	1.606.247	416.388	1.189.859	286%
2	Vốn chủ sở hữu	994.027	179.473	814.554	454%
3	Tổng nợ/Tổng TS (%)	38%	57%	-19%	-33%
4	Tổng nợ/VCSH (%)	62%	132%	-70%	-53%
5	Nợ DH/VCSH (%)	32%	48%	-16%	-33%
6	Thanh toán ngắn hạn (lần)	1,67	1,05	0,62	59%
7	Thanh toán nhanh (lần)	1,63	1,04	0,59	57%



### 3.3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

#### Công tác Kinh doanh – tiếp thị

Với định hướng Quản lý - Bán hàng tập trung, mô hình Sales Center đã từng bước phát huy hiệu quả. Các đơn vị cũng được sắp xếp lại theo mảng hoạt động nhằm tập trung nguồn lực quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phát triển các gói sản phẩm, dịch vụ mới linh động dành cho khách hàng như Family Fun Package, ưu đãi mùa hè, Tour leo núi, đồng liên kết dịch vụ tại các tuyến điểm và triển khai dịch vụ trọn gói được đẩy mạnh.

Công tác kinh doanh tại các khu vực có sự đột phá, KVC TTC World - Thung Lũng Tinh yêu thực hiện xây dựng chính sách giá linh hoạt, triển khai các chương trình khuyến mãi theo từng mùa giúp khai thác tối đa khách hàng bên ngoài và nội bộ như: trọn gói cưới, trọn gói 100.000 VNĐ, chương trình ưu đãi mùa hè... đã tạo được dấu ấn riêng; Khu vực Tây Nguyên đang mở rộng và phát triển được thị trường Khách Trung Quốc và Malaysia; Khu vực Cần Thơ tăng lượng khách inbound do nhận được các booking series từ các đối tác lớn (ICS, Easia Travel, Vietspace,

Mountain World), bên cạnh đó phát triển thêm nguồn khách walk-in và OTA dựa vào công tác truyền thông.

Hoạt động quảng bá du lịch TTC tiếp tục được chú trọng thông qua hoàn thiện và vận hành Website chung ngành Du lịch.

Triển khai việc thiết kế ý tưởng chung trong toàn hệ thống cho việc trang trí trong dịp lễ hội (Halloween, Noel).

Hiện nay đã tăng nhận diện thương hiệu TTC Hospitality đối với các đối tác trong nước, khách hàng thông qua các sự kiện, triển lãm, hội chợ du lịch trong và ngoài nước. Tham gia 4 hội chợ trong nước (Ngày hội du lịch Tp. HCM, Hội chợ du lịch quốc tế tại VN, Hội chợ Marry, Hội Chợ Quốc Tế ITE 2017), 3 hội chợ nước ngoài (Đức – ITB Berlin, Japan-Jata Tourism Expo, Hospitality Indochina 2nd), tổ chức 4 hội chợ tiệc cưới (TTC Hotel Premium Cần Thơ, TTC Palace Bến Tre, TTC Hotel Michellia Nha Trang, TTC Palace Bình Thuận) và tham gia vào các sự kiện: Lễ hội hoa Đà Lạt, Lễ hội văn hoá các Dân Tộc, Chương trình Countdown (New year), Lễ hội Valentine.

Ngành cũng đạt các giải thưởng uy

tín nhằm quảng bá hình ảnh và khẳng định thương hiệu du lịch TTC trên thị trường (nhận chứng chỉ IAAPA, giải thưởng Thương hiệu mạnh VN, giải thưởng The Guide Awards).

#### Công tác quản lý chất lượng dịch vụ

Hoàn thiện bộ định mức tồn kho (Min – Max) giúp quản lý tốt chi phí tồn kho, kiểm soát được chất lượng và hạn sử dụng hàng hóa tồn, không để xảy ra tình trạng thất thoát, gây lãng phí.

Tư vấn hoàn thiện việc xây dựng bộ định lượng Cost cho nhóm thực đơn (Alacarte, cơm đoàn, Menu tiệc cưới, hàng chuyển bán...) giúp quản lý chi phí đầu vào, góp phần tăng vị thế cạnh tranh so với các đối thủ trong khu vực.

Xây dựng quy chế đấu thầu thực phẩm đầu vào giúp kiểm soát tốt chất lượng đầu vào, chủ động trong việc định giá sản phẩm, ổn định chi phí đầu vào.

Cơ cấu và định biên lại nhân sự - sơ đồ tổ chức bộ phận Bếp và F&B tại cơ sở: tinh gọn lại bộ máy, phát huy vai trò của từng cá nhân trong sơ

đồ tổ chức, góp phần giảm thiểu quỹ lương của cơ sở.

Đào tạo nghiệp vụ và xây dựng đội ngũ kế thừa cho khối phục vụ trực tiếp F&B và bộ phận Bếp nhằm nâng cao tay nghề nhân viên, nghiệp vụ phục vụ, tinh thần phục vụ cùng sự tự tin trong công việc.

Xây dựng bộ quy chuẩn Checklist và KPIs nhằm kiểm soát chất lượng khối phục vụ trực tiếp ; đánh giá năng lực và hiểu quả công việc của từng cá nhân cũng như các tiêu chí về khen thưởng – kỷ luật.

Phối hợp hoàn thiện thực đơn, đào tạo nghiệp vụ, tư vấn trang bị cho việc khai trương Nhà hàng nướng TTC BBQ Premium Phan Thiết trong tháng 12 vừa qua.

#### Công tác đầu tư

Hệ thống cơ sở vật chất tại các đơn vị kinh doanh hiện hữu được nâng cấp, cải tạo như TTC Cần Thơ, Resort Kê Gà, Resort Ninh Thuận nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Công tác khảo sát KS Angkor đã hoàn tất và chuẩn bị tiếp nhận để khai thác (dự kiến trong tháng 02/2018).

Phối hợp thực hiện mục tiêu đẩy mạnh khai thác dịch vụ F&B tại các outlet thông qua các dự án đầu tư mở rộng như nhà hàng Nướng tại KS Phan Thiết, nhà hàng Hải sản tại Palace Bình Thuận.

Về đầu tư dự án mới theo chiến lược hiện đang tập trung thực hiện công tác pháp lý và thiết kế 3 dự án trọng điểm của ngành là TTC World, Resort Dốc Lết và Resort Mê Kông để đưa vào triển khai xây dựng trong 2018 với tổng giá trị đầu tư dự kiến gần 1.000 tỷ đồng.

Ngoài ra, còn chủ động khảo sát, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới tại Bình Thuận, Phú Quốc, Huế, Hội An, Đà Nẵng... theo chiến lược ngành.

#### Công tác Nhân sự

Hoàn thiện Sơ đồ Tổ chức Tổng Công ty, xây dựng hệ thống cấp bậc, chức vụ toàn ngành và chuẩn hóa hệ thống chức danh trong ngành du lịch đồng thời rà soát nhân sự trên toàn hệ thống ngành du lịch mang tính hệ thống và đồng nhất tại các Công ty.

Chất lượng nhân sự đầu vào cải thiện rõ rệt nhờ trực tiếp giám sát, trực tiếp tuyển dụng các vị trí chủ chốt tại đơn vị, chuyên môn lao động nâng cao nhờ các khóa đào tạo sát thực tế.

Ngoài ra thu nhập người lao động tại các đơn vị xa trung tâm được cải thiện đáng kể trong năm vừa qua.

#### Công tác Hành chính quản trị

Công tác quản lý chi phí được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng chi phí trong định mức hợp lý, kịp thời đáp ứng nhu cầu của các đơn vị, thường xuyên tổ chức thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản, công cụ dụng cụ định kỳ tại các đơn vị, cân đối và điều chỉnh tài sản, công cụ dụng cụ định kỳ, tiết giảm chi phí mua sắm.

Công tác quản lý tài sản được cải thiện, thực hiện trang bị, cung cấp tài sản, công cụ dụng cụ đảm bảo tính hợp lý, kịp thời đáp ứng nhu cầu của các đơn vị. Đồng thời đã cập nhật, ban hành các quy chế, quy định, quy trình về công tác quản lý tài sản, công cụ dụng cụ; quản lý bất động sản; quản lý và sử dụng xe đảm bảo công tác quản lý chặt chẽ, an toàn và hiệu quả. Thường xuyên tổ chức thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản, công cụ dụng cụ định kỳ tại các đơn vị.

Công tác mua hàng được triển khai theo quy trình mua sắm và dựa trên kế hoạch ngân sách được phê duyệt, bảo đảm công tác mua hàng được công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

#### Công tác Quản lý hệ thống

Triển khai ứng dụng E-Office, phần mềm nhân sự (Quản trị hồ sơ nhân sự và tính lương toàn ngành), BI (dữ liệu BI kinh doanh, hỗ trợ ra quyết định cho mảng Kinh doanh ngành Du lịch), quản lý tài sản (Thiết lập tính năng với 3 phân hệ Hệ thống – Tài sản – Báo cáo, hỗ trợ quản lý tài sản toàn Công ty) và phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán triển khai xây dựng dữ liệu trung tâm của ngành, xây dựng bộ Master data, chuẩn hóa COA toàn hệ thống làm cơ sở cho việc triển khai ERP trên Gihotech.

Tại các đơn vị kinh doanh thực hiện nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo môi trường vận hành, triển khai các ứng dụng CNTT trong ngành Du lịch và nâng cấp dịch vụ Wifi khách hàng, đáp ứng nhu cầu hạ tầng Wifi Marketing.

#### Công tác Chính sách – Pháp chế

Triển khai bộ phân công phân quyền tại Tổng công ty và các Công ty con, Công ty F2; hỗ trợ các đơn vị trong quá trình vận hành bộ phân công phân quyền.

Xử lý và giải quyết vụ tranh chấp liên quan hợp đồng xây dựng tại KSTTC Cần Thơ.

Hoàn tất các thủ tục pháp lý, thẩm định hợp đồng mua sắm, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng nguyên tắc cho các Công ty trong ngành.





Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của các Công ty đồng thời soát xét, ban hành lại Văn bản lập quy của các Phòng ban.

### Công tác Tài chính, kế toán và kế hoạch

Chuẩn hóa hệ thống báo cáo của ngành và cung cấp đầy đủ thông tin cho Ban lãnh đạo điều hành và quản trị. Phối hợp với Phòng Quản lý hệ thống triển khai xây dựng dữ liệu trung tâm của ngành, xây dựng bộ Master data, chuẩn hóa COA toàn hệ thống làm cơ sở cho việc triển khai ERP trên Gihotech.

Hoàn tất thủ tục tăng vốn từ 130 tỷ đồng lên 752,05 tỷ đồng của Du lịch TTC và các Công ty con: Toàn Thịnh Phát Bình Thuận, TTC Lâm Đồng, Dũng Anh, hoàn tất sáp nhập Dũng Anh và TTC Lâm Đồng.

Phối hợp với Pháp chế chuẩn bị các hồ sơ và tài liệu để sáp nhập với Thăng Lợi.

## KẾT LUẬN

Năm 2017 Công ty đã hoàn tNăm 2017 tình hình kinh tế Việt Nam tăng trưởng tích cực, ngành du lịch nước ta cũng đạt những kết quả ấn tượng. Công ty Du lịch sau một năm hoạt động, bên cạnh những yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng tình hình kinh doanh, toàn thể CBNV và Ban điều hành Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được Ban điều hành cũng hết sức nghiêm túc nhìn nhận các vấn đề hạn chế để có định hướng và giải pháp cụ thể cho kế hoạch hoạt động của năm 2018.



## 3.4 BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG VÀ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2018

### A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VĨ MÔ VÀ NGÀNH NĂM 2018

#### 1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô 2018

##### Kinh tế Thế Giới

Dự báo nền Kinh tế toàn cầu năm 2018 tiếp tục duy trì xu hướng hồi phục, với dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2017. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2018 sẽ đạt khoảng 4%. Lạm phát ở khu vực châu Á được tiếp tục duy trì ổn định, thương mại và đầu tư nước ngoài tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, chủ nghĩa bảo hộ lên ngôi tại một số nước phát triển, đặc biệt tại Mỹ sẽ khiến hoạt động thương mại của các nền kinh tế liên quan dự báo sụt giảm trong thời gian tới.

##### Kinh tế Việt Nam

Với dự báo lạc quan về kinh tế Thế giới năm 2018 là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu. Tuy nhiên, chủ nghĩa bảo hộ tại một số nước có khả năng cũng ảnh hưởng lớn đến xuất khẩu của Việt Nam. Đặc biệt năm 2018 cũng sẽ là năm thách thức với các doanh nghiệp trong nước khi thuế nhập khẩu trong FTA (khu vực mậu dịch tự do) Asean, Trung Quốc, Hàn Quốc được cắt giảm phần lớn xuống 0%.

Dự báo kinh tế Việt Nam năm 2018, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,5 - 6,7%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7 - 8%; Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33 - 34% GDP.

Mặc dù dự báo tiếp tục đạt mức tăng trưởng khả quan nhưng tình hình kinh tế trong nước cũng dự báo có thể phải đối mặt với một số khó khăn như: tác động không thuận lợi của hội nhập quốc tế, sự thích ứng của doanh nghiệp còn chậm, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn khó khăn, đòi hỏi thời gian và chi phí lớn; tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, nguy cơ dịch bệnh bùng phát, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp có thể xảy ra.

#### 2. Dự báo xu hướng phát triển du lịch năm 2018

##### Du lịch Thế giới

Trong năm 2018, UNWTO dự báo tốc độ tăng trưởng GDP ngành du lịch toàn cầu ở mức 4% trong năm 2018 và kỳ vọng lượng khách du lịch quốc tế trên toàn cầu sẽ tăng khoảng 3 - 4%. Trong đó, mức tăng tại châu Âu được dự đoán là 2-3%, châu Á - Thái Bình Dương và châu Phi ước tăng 5 - 6%, châu Mỹ tăng 4 - 5% và khu vực Trung Đông tăng 2 - 5% do tình hình bất ổn ngày càng gia tăng tại khu vực này.

##### Du lịch Việt Nam

Việt Nam dự báo lượng khách du lịch trong năm 2018 đạt khoảng 95 triệu lượt, tăng 8% so với năm 2017, trong đó lượt khách quốc tế đạt 14,5 triệu lượt, tăng 12% so với năm 2017 và lượt khách nội địa đạt 80 triệu lượt, tăng 7%.

Dự báo đến năm 2020, ngành du lịch Việt Nam sẽ đón từ 18 - 20 triệu lượt khách quốc tế, 82 triệu lượt khách nội địa, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tổng thu từ du lịch đạt 33 - 35 tỷ USD và đóng góp cho nền kinh tế quốc dân từ 10 - 12%.

#### 3. Giải pháp phát triển Du lịch Việt Nam năm 2018

Thủ tướng vừa phê duyệt đề án định hướng phát triển đường bay trực tiếp giữa Việt Nam và các thị trường trọng điểm của Việt Nam gồm: Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Nga, Đức, Úc, Pháp, Anh và Ấn Độ cũng như các thị trường tiềm năng khác như Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống Nhất, Nam Phi... của các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài để thúc đẩy đầu tư phát triển, tăng cường giao lưu, hội nhập quốc tế.



## B. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2018

Nhằm đạt được các mục tiêu trong năm 2018 Ban lãnh đạo Công ty tiến hành triển khai bám sát các mục tiêu và kế hoạch đã được phê duyệt bao gồm:

### 2.1. Phần đầu hoàn thành vượt các chỉ tiêu tài chính năm 2018

#### Báo cáo riêng

Doanh thu đạt

**330** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

**15,2** tỷ đồng

#### Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu thuần:

**893** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

**77** tỷ đồng

### 2.2. Về công tác đầu tư

Đảm bảo tiến độ và kiểm soát chi phí đầu tư dự án gồm: dự án TTC Safari tại Đà Lạt, TTC Resort Dốc Lết, Resort Mekong, Văn phòng Bến Tre, cải tạo TTC Hotel Michelia, Xây dựng nhà hàng nướng tại TTC Palace Bình Thuận...

Thực hiện thoái vốn tại các Công ty ngoài ngành và thanh lý một số bất động sản không phù hợp với chiến lược nhằm tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh chính.

### 3.3 Về hoạt động kinh doanh, tiếp thị và nghiên cứu thị trường

Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dịch

vụ mới giúp đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng, tối ưu hóa nguồn thu và hiệu quả hoạt động của ngành. Cụ thể cần xây dựng và hoàn thiện các chương trình tour thu hút khách inbound, phát triển các tour liên kết giữa các tuyến điểm du lịch thuộc TTC, cũng như các địa điểm tiềm năng khác; Phát triển các dịch vụ gia tăng tại các khách sạn, trung tâm hội nghị, khu vui chơi.

Tập trung vào phân khúc thị trường khách du lịch trung và cao cấp.

Xúc tiến các chương trình khuyến mãi, giảm giá, quảng bá phù hợp với từng điểm trọng tâm cho từng sản phẩm dịch vụ giúp thu hút du khách, tăng doanh thu.

### 4.4 Về công tác tổ chức bộ máy – chất lượng dịch vụ - nhân sự - hành chính – công nghệ thông tin

#### Tổ chức bộ máy

Ổn định bộ máy tổ chức hoạt động Tổng Công ty DL Thành Thành Công và các công ty con, công ty liên kết, các đơn vị kinh doanh.

#### Chất lượng dịch vụ

Rà soát, hoàn thiện, tổ chức đào tạo, hướng dẫn áp dụng hệ thống VBLQ vào hoạt động của Công ty.

Quy chuẩn Chất lượng sản phẩm dịch vụ theo SOPs thông qua hình thức thực hiện Checklist, giám sát công tác khắc phục.

#### Về nhân sự

Tập trung vào công tác tuyển dụng đáp ứng về thời gian, số lượng và chất lượng tuyển dụng cho các phòng ban.

Chú trọng và có giải pháp cụ thể để xây dựng đội ngũ kế thừa cho các vị trí cấp trung và cấp cao của công ty.

Đảm bảo tối ưu chi phí tiền lương đối với tổng thể kết quả hoạt động của công ty.

#### Về hành chính

Tiếp tục phát huy công tác mua hàng tập trung, tuân thủ các quy định để đảm bảo tiết giảm chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng.

Chuyên nghiệp các nghiệp vụ hành chính, hỗ trợ khác.

Triển khai công tác 5S đầy đủ, toàn diện trên phạm vi toàn công ty.

#### Về công nghệ thông tin

Phát triển, triển khai, vận hành các ứng dụng, phần mềm CNTT gồm phần mềm kinh doanh khách sạn, hoàn thiện các tính năng trên phần mềm Gihotech.

Triển khai sử dụng data center để lưu trữ tập trung dữ liệu ở toàn công ty và chi nhánh đảm bảo không thất thoát dữ liệu khi có biến động nhân sự.

## C. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CÔNG TY NĂM 2018

### 1. Công tác Kinh doanh – tiếp thị

Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới và chương trình khuyến mãi hấp dẫn gửi đến các đại lý/ công ty du lịch, lên lịch hẹn để giới thiệu các sản phẩm dịch vụ, mời công ty đến tham quan và khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của khách hàng, kết hợp tìm hiểu giá cả và dịch vụ các đối thủ trong khu vực để nắm bắt thông tin, từ đó để xuất thay đổi phù hợp với sự biến động của thị trường.

Thực hiện các chiến lược, chương trình liên kết dịch vụ tại các chi nhánh ở các địa điểm khác nhau thuộc chuỗi hệ thống TTC nhằm mang lại lợi ích cho cả chuỗi du lịch TTC.

Đẩy mạnh quảng bá truyền thông về các dịch vụ, chương trình khuyến mãi tại chuỗi khách sạn, resort, trung tâm hội nghị, khu vui chơi của TTC. Đẩy mạnh gói chương trình All Inclusive tại các Khách sạn/ Resort biển nhằm gia tăng khách hàng.

Lưu trú (Khách sạn & Resort): tập trung đẩy mạnh doanh thu phòng và doanh thu F&B, mở rộng thị trường/ Tạo mối quan hệ mật thiết với Khách hàng mới, duy trì quan hệ với Khách hàng cũ, nâng cao chất lượng

dịch vụ bằng cách thu thập ý kiến phản hồi của Khách hàng.

Trung tâm hội nghị/ Nhà hàng tiệc cưới: tập trung đẩy mạnh mảng tiệc cưới, Alacarte, Set menu cơm đoàn đây là mảng mang doanh thu lớn cho Trung tâm hội nghị tiệc cưới.

Khu vui chơi: giữ vững thị trường khách miền trung và tăng cường khai thác khách hàng miền Bắc, nâng tỷ trọng khách đoàn trong cơ cấu khách tham quan. Tăng tỷ trọng khách đoàn trong cơ cấu khách của KDL Tinh yêu Mộng mơ và KDL núi Tà Cú.

Công tác lễ hành: tập trung khai thác tối đa lượng khách nội bộ, tăng cường thêm lực lượng kinh doanh, mở rộng thị trường khách hàng bên ngoài, đảm bảo lượng khách hàng bên ngoài chiếm hơn 55% khách hàng. Khai thác tối đa

các thị trường khách hàng lân cận TP.HCM như Tây Ninh, Tiền Giang, Biên Hòa,... các công ty, trường học, phòng ban và các xí nghiệp, khu công nghiệp nâng cao thị phần của TTC Travel. Tiếp tục xây dựng các gói sản phẩm cho các kỳ nghỉ trong năm, kết hợp với team building, hội nghị hội thảo, các khách hàng quốc tế đến Việt Nam đi Tour "Huyền thoại sông Ba Lai".

Công tác thương hiệu: đẩy mạnh các hoạt động truyền thông Online để tăng mức độ nhận biết thương hiệu và tăng doanh số cho các outlet, đánh mạnh vào nhóm đối tượng khách hàng tiềm năng của từng hạng mục kinh doanh của từng đơn vị địa phương. Triển khai các công tác marketing online: Facebook ads, tăng độ nhận diện thương hiệu trên kênh OTAs: Tripadvisor, Agoda, Mytour và qua Website của du lịch Thành Thành Công: ttcworld.vn, ttc-hospitality.vn

Công tác tiếp thị: cải thiện các hoạt động xúc tiến thương mại (Trade Marketing) thay thế dần cho các hoạt động Branding nhỏ lẻ tại các địa phương, tăng cường các hoạt động liên kết và tổ chức liên kết, tạo nên các chuỗi sự kiện độc quyền của thương hiệu: Lễ hội Dừa, Lễ hội Diều, Lễ hội văn hoá các Dân tộc.

### 2. Công tác



**PHẠO THIỆT**

**KHÁCH SẠN LỚN NHẤT THÀNH PHỐ**



### Quản lý chất lượng dịch vụ

Xây dựng, đẩy mạnh và cải tiến các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ Khách sạn, Nhà hàng và Trung tâm hội nghị. Kiểm tra thường xuyên việc tuân thủ quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại nhà hàng khách sạn trong hệ thống. Tổ chức đào tạo, đảm bảo cho các cán bộ nhân viên nhận thức rõ tầm quan trọng của chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng và thực hiện theo các quy trình, quy định trong hệ thống quản lý chất lượng đã xây dựng.

Tăng cường kiểm soát, giám sát thường xuyên việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong từng hoạt động của các Đơn vị nghiệp vụ, đồng thời đánh giá và xử lý, khắc phục các trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

### 3. Công tác Đầu tư

Về nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Rà soát, phân loại, đánh giá hệ thống sản phẩm dịch vụ hiện tại, từ đó có giải pháp và đề xuất cải tiến cho các outlet, cũng như có kế hoạch bổ sung về sản phẩm, dịch vụ với lộ trình hành động cụ thể.

Tập trung phân tích xu hướng thị trường du lịch, cũng như các sản phẩm dịch vụ mới trên thị trường nhằm làm nguồn dữ liệu để phát triển ý tưởng sản phẩm mới.

Tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo sản phẩm. Tìm hiểu và tham gia các tổ chức về phát triển du lịch trong và ngoài nước

Về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

Tập trung giải quyết vấn đề pháp lý của dự án.

Trình và phê duyệt thiết kế nhanh.

Hạn chế việc thay đổi phương án thiết kế, công năng sử dụng.

Tăng cường biện pháp nhằm lựa chọn được đơn vị thiết kế, nhà thầu có kinh nghiệm và uy tín.

Phối hợp tốt với các phòng ban để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

### 4. Công tác Nhân sự

Chú trọng nâng cao chuyên môn, tay nghề người lao động.

Đào tạo đúng trọng tâm, hiệu quả cao.

Tuyển dụng đúng người, đúng việc.

Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thúc đẩy năng lực cá nhân để thu hút người tài.

Liên tục kiểm tra, giám sát đơn vị, đảm bảo thực hiện đúng, đủ chủ trương đề ra.

Lập kế hoạch đưa ra các chính sách thu hút, đào tạo người tài.

Triển khai các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn từ đó giảm định biên, tăng thu nhập.

### 5. Công tác Hành chính quản trị

Kiểm kê, đánh giá và cập nhật tài sản, công cụ dụng cụ tồn kho toàn hệ thống để thực hiện điều chuyển, mua sắm đáp ứng nhu cầu của các đơn vị đảm bảo quản lý khoa học, hiệu quả, tiết giảm chi phí.

Định kỳ cập nhật giá cả các đơn vị cung cấp và đánh giá các yếu tố thay đổi, tác động thị trường có thể làm ảnh hưởng đến chi phí để điều chỉnh các định mức chi phí cho phù hợp với tình hình thực tế.

Khảo sát và đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ đảm bảo các nhà cung cấp luôn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất với chi phí phù hợp nhất.

Rà soát định kỳ danh mục tài sản, công cụ dụng cụ hư hỏng, không đáp ứng nhu cầu sử dụng để đề xuất thanh lý, giải phóng mặt bằng, đảm bảo mỹ quan và chất lượng dịch vụ.

Cập nhật và ban hành bổ sung các quy trình, quy định liên quan đến nghiệp vụ hành chính đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc.

Thực hiện công tác đào tạo, kiểm tra 5S định kỳ, đột xuất đảm bảo CBNV nắm bắt và tuân thủ quy định, nâng cao hình ảnh, thương hiệu của đơn vị.

Lập kế hoạch và thực hiện đào tạo nghiệp vụ liên quan cho các đơn vị đảm bảo CBNV đều nắm vững nghiệp vụ và quy trình phối hợp, tiết giảm thời gian và chi phí, nâng cao năng suất lao động.

### 6. Công tác Quản lý hệ thống

#### Dự án ứng dụng

E-Office: ban hành quy trình hướng dẫn sử dụng, triển khai VBLQ theo trình ký E-Office, triển khai quản lý công việc trên E-Office.

Phần mềm nhân sự: triển khai 2 tính năng đào tạo và tuyển dụng.

BI: xây dựng BI Nhân sự và xây dựng BI Chi phí.



Quản lý tài sản: tiếp tục triển khai đến các đơn vị với tính năng 03 phân hệ: Hệ thống, Tài sản, Báo cáo.

ERP – BO Gihotech: triển khai hệ thống Báo cáo kế toán và Báo cáo quản trị trên phần mềm Gihotech đến các đơn vị kinh doanh.

TTC – App: xây dựng quảng bá thông tin sản phẩm, chương trình khuyến mãi cho tập đoàn và các ngành.

#### Dự án hạ tầng

Nâng cấp hạ tầng CNTT cho ĐVKD: Tiếp tục triển khai nâng cấp hạ tầng CNTT cho TTC Ninh Thuận.

Nâng cấp hạ tầng Wifi cho ĐVKD: Tiếp tục triển khai hạ tầng wifi KVC TYMM, KVC Tà Cú, Palace Bình Thuận, Palace Bến Tre, TTC Ninh Thuận, TTC Kê Gà, TTC Cần Thơ, TTC Michelia

### 7. Công tác Chính sách – Pháp chế

Tập huấn phòng kinh doanh trong việc áp dụng hợp đồng mẫu trong chính sách kinh doanh nhằm giúp việc triển khai các hợp đồng bám sát thực tế hơn, hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Tại các buổi tập huấn sẽ cùng trao đổi những khó khăn trong việc áp dụng hợp đồng để cùng tìm cách khắc phục nhằm đảm bảo tốt nhất việc thực hiện hợp đồng một cách siêng suốt và hiệu quả.

Tư vấn, hỗ trợ các phòng ban thực hiện các chương trình khuyến mãi đúng quy định pháp luật.

Hệ thống hóa cách lưu trữ hồ sơ để không bị gián đoạn khi có sự thay đổi chuyển giao nhân sự.

Tham gia hỗ trợ các dự án ngay từ giai đoạn đầu để hạn chế những rủi ro liên quan trong quá trình thực hiện.

### 8. Công tác Tài chính, kế toán và kế hoạch

#### Công tác kế toán

Thực hiện đúng quy trình thanh toán, kiểm soát chặt

chế giá đầu vào, nhập kho hàng hóa, hoá đơn và các quy định liên quan đến chi phí và thanh toán.

Quản lý chặt chẽ hàng hoá - NVL, hạn chế tối đa hao hụt, thất thoát.

Cân đối dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản của toàn ngành.

Quản lý tốt công nợ phải thu, cân đối hợp lý công nợ phải trả không để ra công nợ phải thu quá hạn-khó đòi.

Quản lý tốt tài sản - CCDC không để tài sản - CCDC thất thoát mà không rõ lý do.

BCTC phản ánh trung thực, hợp lý và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

VBLQ được ban hành phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại của đơn vị, Công ty.

#### Công tác tài chính

Xây dựng kế hoạch đầu tư hiệu quả từ nguồn vốn tích lũy tại các công ty thành viên/liên kết.

Tăng cường huy động nguồn vốn cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu và các nguồn vốn tín dụng khác.

Kiểm soát dư nợ vay, cho vay của các đơn vị, công ty. Đồng thời lập các kế hoạch vay vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư.

Theo dõi báo cáo thu – chi hàng ngày nhằm kiểm soát dòng tiền và điều tiết vốn giữa các đơn vị, công ty.

#### Công tác kế hoạch

Triển khai xây dựng mục tiêu và kế hoạch ngân sách của đơn vị, công ty theo quy trình xây dựng kế hoạch.

Thiết lập cơ sở dữ liệu từ các báo cáo của đơn vị, công ty.

Thực hiện các báo cáo theo quy định của công ty và tham mưu cho Ban lãnh đạo.

## KẾT LUẬN

Năm 2017 Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra, tiếp tục phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những hạn chế, chúng ta sẽ hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ được tin tưởng giao phó trong năm 2018.

## IV. BÁO CÁO CỦA HĐQT





# IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 4.1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Cơ cấu nhân sự của HĐQT trong năm 2017

### Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/02/2017

1. Bà Tsan Quay Liang	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT
3. Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
4. Bà Phan Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Mến	Thành viên HĐQT
6. Ông Nguyễn Cường Dũng	Thành viên HĐQT

### (c) Từ ngày 19/7/2017 đến ngày 26/12/2017

1. Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT
3. Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4. Bà Phan Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Mến	Thành viên HĐQT
6. Ông Nguyễn Cường Dũng	Thành viên HĐQT

### Từ ngày 10/02/2017 đến ngày 19/07/2017

1. Bà Tsan Quay Liang	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT
3. Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4. Bà Phan Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Mến	Thành viên HĐQT
6. Ông Nguyễn Cường Dũng	Thành viên HĐQT

### (d) Từ 26/12/2017 đến 31/12/2017

1. Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT
3. Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4. Bà Phan Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Mến	Thành viên HĐQT

## Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

ĐVT: TRIỆU ĐỒNG

CHỈ TIÊU	KH 2017	TH 2017	SS TH/KH
Tổng doanh thu	304,000	339,284	112%
LNTT	10,2	12,8	125%

## Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

### Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2017:

#### Kết quả thực hiện năm 2017:

##### Báo cáo riêng

Doanh thu đạt

**339,2** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

**12,8** tỷ đồng

##### Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu thuần:

**995,7** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

**58,85** tỷ đồng

- Thông qua việc Ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2017: Đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán BCTC 2017 của Công ty.
- Thực hiện việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 130.000.000.000 đồng lên 752.050.000.000 đồng: đã thực hiện hoàn tất đầu tháng 4/2017.
- Thực hiện việc đầu tư vào các Công ty con: Công ty CP Du Lịch Thăng Lợi, Công ty CP DL Thành Thành Công Lâm Đồng; Công ty CP Du Lịch Thanh Bình; Công ty CP Du Lịch Bến Tre đã hoàn tất mua lại sở hữu trong tháng 4/2017.



### Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các quyết định HĐQT

- Để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đề ra, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua 30 cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, Ban Điều hành để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, hoạch định chiến lược và ban hành 32 Nghị quyết HĐQT đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cho Công ty, cụ thể như sau:
- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 25/4/2016 và Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua biểu quyết bằng văn bản vào ngày 19/07/2016 về việc bầu bổ sung số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
- Giám sát chặt chẽ việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, các khoản vay được tái cơ cấu theo hướng điều chỉnh chi phí lãi vay xuống mức thấp.

- Chỉ đạo việc phát hành vốn lên 752.050.000.000 đồng, đầu tư vào các Công ty con và đã hoàn tất trong tháng 4/2017.
- Bổ nhiệm Ông Lê Thanh Huỳnh Cang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty ngày 27/5/2017.

### Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp phát triển của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã phối hợp tích cực với Ban Kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế giám sát hoạt động của Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động của Ban Điều hành.



# Hơn cả một KỶ NGHI



**Báo cáo hoạt động từng thành viên HĐQT**

**Ông Nguyễn Thế Vinh**  
Chủ tịch HĐQT

- Trong năm 2017 đã chủ trì triệu tập 7/30 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Định hướng, hoạch định chiến lược, mục tiêu và đề ra các giải pháp, chính sách phát triển Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Đồng thời chỉ đạo, giám sát Ban điều hành việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2018.
- Ban hành văn bản lập quy thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo ra hành lang pháp lý phù hợp điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty.



**Bà Nguyễn Thái Hà**  
Phó chủ tịch HĐQT

- Trong năm 2017 đã tham gia 30/30 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.
- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành công việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2017.
- Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2018.



**Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn**  
Thành viên HĐQT

- Trong năm 2017 đã tham gia 27/30 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.
- Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2018.



**Bà Phan Thị Hồng Vân**  
Thành viên HĐQT

- Trong năm 2017 đã tham gia 30/30 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.
- Cùng với vai trò là Tổng Giám đốc công ty, Bà Phan Thị Hồng Vân trực tiếp thực hiện các kế hoạch, mục tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2017.
- Điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp theo quy định pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của HĐQT công ty trong từng giai đoạn.
- Điều phối hoạt động của các đơn vị nhằm thực hiện tốt các kế hoạch đã đề ra.



**Ông Trần Mến**  
Thành viên HĐQT

- Trong năm 2017 đã tham gia 30/30 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.
- Đại diện Công ty làm việc với cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh tại các khách sạn.
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường hoạt động kinh doanh hiệu quả đối với lĩnh vực mình phụ trách.



**Kết quả Giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty:**

Hội đồng quản trị theo dõi sát quá trình hoạt động của Ban điều hành để định hướng kế hoạch, phương hướng kinh doanh đúng mục tiêu đảm bảo thực hiện kế hoạch. Từ đó giúp Ban điều hành tập trung lãnh đạo các Bộ phận thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ kinh doanh được giao.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017 do Đại Hội đồng cổ đông năm 2017 giao. Kết quả đã đạt và những mặt chưa đạt trong năm 2017 được nêu cụ thể trong báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Ban điều hành.
- Tăng cường kiểm tra kiểm soát toàn bộ hoạt động Công ty trên cơ sở văn bản lập quy đã ban hành để kiểm tra tính tuân thủ đảm bảo hoạt động hiệu quả, hạn chế rủi ro đồng thời tăng cường công tác kiểm tra toàn bộ hoạt động của Công ty nhằm chấn chỉnh kịp thời và đưa Công ty hoạt động theo hướng chuyên nghiệp.



**4.2. MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Với mục tiêu chiến lược phát triển ổn định và bền vững, trong năm 2018 Công ty phấn đấu kế hoạch kinh doanh như sau:

**Với mục tiêu chiến lược phát triển ổn định và bền vững, trong năm 2018 Công ty phấn đấu kế hoạch kinh doanh như sau:**

**Báo cáo riêng**

Doanh thu thuần

**330** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

**15,2** tỷ đồng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Doanh thu thuần:

**893** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế:

**77** tỷ đồng

Với mục tiêu nêu trên, Hội đồng quản trị xác định tiếp tục chủ trương định hướng Công ty vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là tất cả các lĩnh vực trong ngành du lịch thông qua việc đầu tư vào các công ty trong ngành để khẳng định thương hiệu du lịch TTC Tourist.

**Một số định hướng cụ thể như sau:**

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2018 do ĐHCĐ giao.
- Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- Đẩy mạnh kinh doanh tại một số thị trường tiềm năng mới: Hàn Quốc, Nhật Bản, và duy trì sàng lọc đối với thị trường Trung Quốc. Tiếp tục tập trung kênh bán hàng OTA, gia tăng hình thức nhận diện thương hiệu Du lịch TTC trên các phương tiện truyền thông.
- Rà soát lại các tài sản hiện hữu và thanh toán nếu giá trị chuyển nhượng hợp lý để tập trung nguồn lực cho việc nâng cao thương hiệu của TTC Tourist.
- Khai thác tối ưu phần mềm quản lý khách sạn, lễ hành, khu vui chơi trong công tác quản lý và bán hàng.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp và cao cấp hơn trong mắt các khách hàng.
- Tiếp tục đảm bảo doanh thu, kiểm soát tốt chi phí để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2018.
- Chuyên nghiệp và nâng cao hơn nữa về kỹ năng phục vụ, chăm sóc khách hàng. Nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt các nhu cầu, đòi hỏi của khách hàng. Nâng cao hiệu suất làm việc của toàn thể CBNV Công ty.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của các bộ phận để tạo sự chuyên nghiệp và chuẩn hóa trong các tác nghiệp hàng ngày của CBNV theo tiêu chuẩn hệ thống khách sạn, trung tâm hội nghị, khu vui chơi, lễ hành. Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể CBNV, đồng thời xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa cho Công ty.
- Chú trọng hơn nữa về công tác quản trị nguồn nhân lực; quan tâm hơn nữa đến đời sống của toàn thể CBNV; xem xét điều chỉnh lương cho nhân viên vào thời điểm phù hợp trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty để họ có thể yên tâm công tác và tận tâm phục vụ cho Công ty.



V.

---

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



## V. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

### A. HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể trong điều lệ Công ty. Cụ thể:

#### Tổ chức, vận hành:

- Họp Ban Kiểm soát ngay sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 tổ chức vào ngày 25 tháng 4 năm 2017 để tái phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ nhằm trao đổi, thống nhất chương trình công tác kiểm soát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Xem xét, hiệu chỉnh và tái phê duyệt kế hoạch của phòng Kiểm soát nội bộ (PKSNB).
- Tham gia họp giao ban định kỳ với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, qua đó:
- Cảnh báo tiềm ẩn rủi ro qua các ghi nhận phát sinh trong tuần, kỳ kiểm tra để Ban Điều hành có giải pháp xử lý;
- Tư vấn ý kiến cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc ban hành các chính sách của Công ty.

**Công tác giám sát:** tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị và công tác điều hành Ban Tổng Giám đốc, về:

- Xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành,

Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
- Công tác ban hành và hoàn thiện các văn bản lập quy, nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty và giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

#### Hoạt động kiểm tra:

- Kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp, chính xác, kịp thời và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán; kiểm tra và xác nhận độ tin cậy của các thông tin quản trị, thông tin tài chính trong Báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan; soát xét báo cáo tài chính theo định kỳ thông qua các báo cáo hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính cuối niên độ 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Chỉ đạo và phối hợp phòng Kiểm soát nội bộ (KSNB) xây dựng chương trình hành động, chương trình kiểm soát để thực hiện kiểm tra hoạt động các đơn vị trực thuộc (chi nhánh/phòng/ban/bộ phận nghiệp vụ; các đơn vị cùng ngành có vốn đầu

tư của Công ty) theo các đề cương chi tiết, cụ thể, mang tính chuyên nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định nội bộ trong hoạt động; và qua hoạt động kiểm tra, đánh giá công tác quản trị rủi ro và trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiểm soát thích hợp, nhằm ngăn ngừa rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh; đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị (phòng/ban/bộ phận).

- Thông qua hoạt động kiểm tra; trên cơ sở phân tích, nhận định và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động; Ban Kiểm soát đã lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị/đề xuất, yêu cầu cụ thể cũng như tư vấn một số các giải pháp chỉnh sửa cho Ban Tổng Giám đốc, các cấp quản lý trung gian hoàn thiện, khắc phục các khiếm khuyết.

### 5.1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tự đánh giá, Ban Kiểm soát chúng tôi nhận thấy hiệu quả giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2017 đã hoàn thành nhiệm vụ mà Cổ đông đã tin nhiệm và giao phó.

Qua hoạt động giám sát và kiểm tra, các thành viên Ban Kiểm soát đã có những kiến nghị và/hoặc đề xuất thiết thực cho Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị; tư vấn ý kiến đối với các Trưởng đơn vị về công tác quản lý trong lĩnh vực được phân công, phụ trách nhằm đảm bảo hoạt động của các đơn vị, bộ phận vận hành xuyên suốt.

### 5.2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP

Hội đồng Quản trị đã xây dựng kế hoạch và các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức và triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh trên tinh thần tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ và các quy định của pháp luật.

#### Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Ban Kiểm soát ghi nhận hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị đã tuân thủ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Các nghị quyết, quyết định được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp, ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề về hoạt động kinh doanh, tổ chức nhân sự, thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ được giao. Hoạt động quản trị được thực thi phù hợp với quy định của pháp luật, bám sát các mục tiêu, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị để tổ chức triển khai thành các nhiệm vụ cụ thể.

Ngoài các phiên họp thường kỳ theo quy định tại Điều lệ; Hội đồng quản trị còn tổ chức các phiên hội ý đột xuất hoặc mở rộng (mời Trưởng BKS tham dự) để bàn và thống nhất về các chủ trương, định hướng hoạt động mới.

Hội đồng Quản trị đã xây dựng những chủ trương, chính sách đảm bảo vai trò định hướng Công ty, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Hội đồng Quản trị có năng lực chuyên môn và luôn đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông.

#### Hoạt động của Tổng Giám đốc (và Ban Tổng Giám đốc):

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc (sau đây gọi tắt là Ban TGD) đã điều hành hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp Luật doanh nghiệp và Quy chế tổ chức & hoạt động của Công ty. Các Quyết định của Ban TGD được ban hành hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đã được Ban TGD tổ chức triển khai kịp thời, đúng yêu cầu. Công tác quản lý điều hành có sự năng động và cần trọng cần thiết.

Báo cáo tài chính được soạn lập đúng chế độ kế toán, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam và các



quy định của pháp luật liên quan. Số liệu trên báo cáo tài chính cuối niên độ 2017 phản ánh đầy đủ giá trị tài sản hiện có của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

Ban TGDĐ đã phân công, phân nhiệm cụ thể từng thành viên. Tuy hiệu quả chưa đạt được như kỳ vọng nhưng từng thành viên Ban TGDĐ hiểu rõ toàn bộ mảng công việc của phòng/ban/bộ phận do mình phụ trách, qua đó có những hỗ trợ hoặc chỉ đạo kịp thời nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### **Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Kiểm soát đã thiết lập sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban TGDĐ trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát và kiểm soát nội bộ.

Hội đồng Quản trị và Ban TGDĐ đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban TGDĐ về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm 2017 để phối hợp thực hiện. Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra cũng như phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.

Trên cơ sở đề nghị của Ban TGDĐ và/hoặc của Chủ tịch HĐQT; sau khi cân đối nguồn lực, Ban Kiểm soát và/hoặc phòng KSNB đã tiến hành kiểm tra một/một số đơn vị trực thuộc (bao gồm cả các đơn vị cùng ngành có vốn đầu tư của Công ty) theo chuyên đề, nhằm đảm bảo kiểm soát kịp thời những tiềm ẩn rủi ro.

## 5.3. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

### **Xây dựng và tự đánh giá hệ thống Kiểm soát nội bộ của Hội đồng Quản trị và Ban TGDĐ:**

Trong niên độ 2017, với vai trò vừa là Công ty hoạt động kinh doanh trực tiếp vừa là nhà đầu tư vốn cho các doanh nghiệp cùng ngành nghề; Hội đồng Quản trị và Ban TGDĐ đã tích cực hoàn thiện hệ thống Văn bản lập quy (VBLQ) trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh của ngành du lịch cũng như các lĩnh vực hỗ trợ.

chức năng là một phòng nghiệp vụ, phòng Chính sách-Pháp chế đã hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty hiệu chỉnh hệ thống VBLQ của từng Đơn vị trên nền tảng hệ thống VBLQ của Công ty đã ban hành.

Về công tác triển khai, ngoài hoạt động triển khai theo ngành dọc từ các phòng nghiệp vụ; Ban TGDĐ cũng thành lập các Nhóm chuyên đề nhằm vừa triển khai hoạt động kinh doanh, vừa triển khai các quy định liên quan.

Tự đánh giá hệ thống Kiểm soát nội bộ: toàn bộ hệ thống VBLQ của ngành du lịch được kiện toàn vào cuối 8/2017, các giải pháp về chốt kiểm soát đang từng bước được rà soát và hiệu chỉnh, do vậy trong niên độ này Ban TGDĐ chưa có đầy đủ dữ kiện về thời gian cũng như xây dựng nguồn lực để tự đánh giá hệ thống Kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát và/hoặc phòng KSNB trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát cũng đã đưa ra những ý kiến về hệ thống Kiểm soát nội bộ và có những khuyến nghị kịp thời.

#### **Về môi trường kiểm soát:**

Môi trường kiểm soát bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy định, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn bộ hoạt động của Công ty. Với nhận thức môi trường kiểm soát sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên, Hội đồng quản trị và Ban TGDĐ luôn luôn đề cao các giá trị đạo đức cũng như thực hiện các chuẩn mực cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban TGDĐ cũng đã xây dựng quy trình và thủ tục nhằm thiết lập một môi trường kiểm soát hiệu quả tại Công ty.

#### **Phân công – phân nhiệm và ủy quyền:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty là sự kết hợp của cơ cấu tổ chức theo bộ phận nghiệp vụ, loại hình kinh doanh và theo khu vực địa lý. Theo đó các phòng/ban nghiệp vụ tại Công ty được thành lập; bên cạnh chức năng kinh doanh, tham mưu chuyên môn cho Ban TGDĐ còn bao gồm cả chức năng kiểm soát hoạt động của toàn ngành với vai trò là Tổng Công ty ngành trên từng lĩnh vực cụ thể: khách sạn, khu nghỉ dưỡng, lữ hành, khu vui chơi, TTHN, kế toán tài chính, R&D...

Đối với công tác phân nhiệm: thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Đồng thời, Công ty cũng xây dựng các hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ và xem xét cập nhật định kỳ hoặc khi cần thiết và tổ chức các khóa tập huấn để đảm bảo tất cả các nhân viên có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công ty cũng xây dựng hạn mức phê duyệt theo từng cấp quản trị, điều hành và cơ chế ủy quyền.

#### **Chính sách nhân sự:**

Đội ngũ người lao động là nhân tố chủ yếu quyết định sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty đã quan tâm đến việc phát triển và củng cố đội ngũ cán bộ công nhân viên đảm bảo thu hút nhân tài, tạo ra động lực làm việc và khả năng làm việc. Các chính sách nhân sự của Công ty như sau:

Đào tạo: xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các khóa tập huấn cho nhân viên mới; và trong trường hợp có những thay đổi ảnh hưởng đến việc thực hiện quy trình nghiệp vụ hoặc các yêu cầu mới về chuẩn mực nghề nghiệp.

Tổ chức đánh giá nhân viên định kỳ dựa trên kết quả làm việc của từng nhân viên so với các mục tiêu kỳ vọng được xây dựng cho từng nhân viên.

Xây dựng các chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút và duy trì được đội ngũ lao động chất lượng cao thông qua các chính sách lương cạnh tranh, thưởng theo kết quả làm việc, đảm bảo nghĩa vụ khác với người lao động theo Luật lao động và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

#### **Quản lý rủi ro:**

Công ty đã ban hành các quy định trên phương diện tài chính như: Quy định khung rủi ro tài chính; Quy trình quản lý công nợ; Quy trình quản lý ngân quỹ...



Với hoạt động lõi, hiện nay Công ty đang có kế hoạch triển khai từng bước thực hiện nhận diện và đánh giá rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh lõi và trên cơ sở đó xây dựng các chính sách quản lý rủi ro trong toàn ngành.

### Đánh giá hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ:

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đảm bảo được ba thuộc tính: (i) tính đầy đủ; (ii) tính hiệu lực; và (iii) tính hiệu quả.

## 5.4. GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

### Kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017:

CHỈ TIÊU (BCTC riêng)	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Thực hiện so KH (%)
Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	304	339	112
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	*	17,5	
Lợi nhuận trước thuế	10,2	12,8	125

\* Tại ĐHĐCĐ thường niên 2016 không trình kế hoạch cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.

CHỈ TIÊU (BCTC hợp nhất)	Kế hoạch (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Thực hiện so KH (%)
Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	749	925,7	124
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	*	57,7	
Lợi nhuận trước thuế	35,1	58,8	168
Lãi cơ bản trên cổ phần	*	401	

\* Tại ĐHĐCĐ thường niên 2016 không trình kế hoạch cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.

### Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty có sự phát triển khả quan cùng với các điều kiện thuận lợi khách quan và chủ quan như sau:

Thị trường khách du lịch phát triển trở lại, đặc biệt là du khách nước ngoài du lịch đến Việt Nam tăng khoảng 29%. Tại các địa điểm kinh doanh lưu trú, khu du lịch của Công ty (Tp.HCM, Khánh Hoà, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bến Tre, Cần Thơ) đều tăng trưởng.

Cơ sở vật chất được nâng cấp, đầu tư mới ở năm 2016 góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm kinh doanh của Công ty và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Hoạt động tài chính và thanh toán tài sản của Công ty cũng góp phần gia tăng lợi nhuận.

### Tình hình tài chính:

#### Báo cáo tài chính riêng:

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2016	(%) 2017	(%) 2016
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>987.420.713.806</b>	<b>332.130.547.544</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
1	Tài sản ngắn hạn	99.111.839.259	101.423.700.641	10,04%	30,54%
2	Tài sản dài hạn	888.308.874.547	230.706.846.903	89,96%	69,46%
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>332.130.547.544</b>	<b>332.130.547.544</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
1	Nợ ngắn hạn	127.045.087.573	133.431.944.309	12,87%	40,17%
2	Nợ dài hạn	87.134.350.603	53.648.621.413	8,82%	16,15%
3	Vốn chủ sở hữu	773.241.275.630	145.049.981.822	78,31%	43,67%

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2016
1	Tổng nợ/Tổng Tài sản		10,04%	30,54%
	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,70%	129%
	%	21,70%	56,33%	37%
2	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,70%	129%
3	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	%	11,27%	37%
4	Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	0,78	0,76
			2,19	
5	Tỷ số thanh toán lãi vay	Lần	2,19	2,33

#### Báo cáo tài chính hợp nhất:

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	(%) 2017	(%) 2016
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>416.388.185.473</b>	<b>416.388.185.473</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
1	Tài sản ngắn hạn	494.638.640.097	158.618.667.354	30,79%	38,09%
2	Tài sản dài hạn	1.111.608.875.668	257.769.518.119	69,21%	61,91%
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>416.388.185.473</b>	<b>416.388.185.473</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
1	Nợ ngắn hạn	295.449.575.561	151.108.821.561	18,39%	36,29%
2	Nợ dài hạn	316.770.856.128	85.806.491.903	19,72%	20,61%
3	Vốn chủ sở hữu	994.027.084.076	179.472.872.009	61,89%	43,10%

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2016
1	Tổng nợ/Tổng Tài sản		10,04%	30,54%
	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,70%	129%
	%	38,11%	56,90%	37%
2	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	61,59%	132,01%
3	Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	%	31,87%	47,81%
4	Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,67	0,76
			0,78	1,05
			2,40	
5	Tỷ số thanh toán lãi vay	Lần	2,19	1,86



Tỷ lệ các chỉ tiêu tài chính năm 2017 của Công ty phù hợp với quy mô hiện hữu và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

## B. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018:

### Tổ chức, vận hành:

- (i) điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên Ban Kiểm soát;
- (ii) tái cấu trúc hoạt động của phòng KSNB theo hướng tổ chức giám sát, kiểm tra theo khu vực và nhằm chuẩn bị điều chỉnh hoạt động theo mô hình Ban Kiểm toán nội bộ;
- (iii) tăng cường nhân lực cho phòng KSNB để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển 2016 – 2020.

### Công tác giám sát:

- (i) giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban TGD Công ty;
- (ii) giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017;
- (iii) giám sát việc sử dụng vốn điều lệ đúng mục tiêu và đảm bảo tính hiệu quả.

### Hoạt động kiểm tra:

- (i) kiểm tra tính tuân thủ tại các đơn vị (chi nhánh/trung tâm/phòng/bộ phận của Công ty – bao gồm cả các đơn vị cùng ngành có vốn đầu tư của Công ty) theo kế hoạch kiểm tra kiểm soát 2018 đã xây dựng;
- (ii) kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo – sửa chữa, trong đó phát huy vai trò tiên kiểm, tham gia ngay từ thời điểm thành lập BQL DA với chức năng giám sát nhằm đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, tính tuân thủ quy trình, quy định của Công ty (và pháp luật) . . . giúp giảm thiểu việc hoàn thiện hồ sơ khi nghiệm thu, quyết toán các hạng mục/dự án hoàn thành;
- (iii) soát xét BCTC hàng quý năm 2018 và thẩm tra BCTC năm 2018;
- (iv) ngoài các cuộc kiểm tra theo định kỳ; tăng cường kiểm tra đột xuất các dịch vụ có thu mang tính rủi ro cao, công tác quản lý ngân quỹ.

## C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thông qua kết quả giám sát, kiểm tra và căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban TGD; Ban Kiểm soát có ý kiến kết luận và đề xuất một số kiến nghị như sau :

1. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ghi nhận sự nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Ban TGD và toàn thể cán bộ nhân viên các cấp.

2. Trong niên độ năm 2018, Ban TGD nên xây dựng kế hoạch hành động cụ thể cho từng giai đoạn, từng mảng kinh doanh chuyên biệt; đặc biệt với lợi thế chuỗi du lịch khép kín của Công ty, cần nghiên cứu xây dựng được các gói sản phẩm đa dạng và chuyên biệt nhằm hoạt động kinh doanh của Công ty gia tăng hiệu quả hơn nữa.

Hội đồng Quản trị và Ban TGD tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch; định kỳ có đánh giá, phân tích nguyên nhân ảnh hưởng, tìm giải pháp thực hiện tốt kế hoạch.

3. Ban TGD phải xây dựng các giải pháp quản lý chi phí trên tinh thần sử dụng chi phí một cách có hiệu quả; đồng thời có giải pháp hữu hiệu để xử lý thu hồi các khoản nợ tồn đọng nhằm gia tăng hiệu quả dòng tiền.

4. Tiếp tục nghiên cứu, định kỳ tra soát nhằm hiệu chỉnh kịp thời và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy của Công ty theo mô hình quản lý mới, tạo hành lang pháp lý nhằm thực thi công tác quản trị và điều hành Công ty luôn chuẩn mực, chuyên nghiệp và minh bạch trên nền tảng quy chế, quy trình; phát huy vai trò, trách nhiệm của từng cấp quản lý và từng bộ phận trong Công ty, đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

5. Xây dựng kế hoạch đào tạo, tái đào tạo thường xuyên cho CBNV các cấp về chuyên môn nghiệp vụ; đặc biệt cần tăng cường chương trình chia sẻ và/hoặc đào tạo các kỹ năng mềm nhằm bảo đảm sự liên tục của nguồn lực phục vụ cho tăng trưởng và phát triển của Công ty, từng bước gia tăng hiệu quả và lợi ích cho cổ đông/nhà đầu tư.

# VI. CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT





## VI. CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã không chi thù lao và chi phí hoạt động cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017.





## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

---

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 (đã được kiểm toán)*

## NỘI DUNG

---

Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất



## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: **Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.**

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông	<b>Nguyễn Thế Vinh</b>	Chủ tịch	(Bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/05/2017)
Bà	<b>Tsan Quay Liang</b>	Chủ tịch	(Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/05/2017, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 04/07/2017) (Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)
Bà	<b>Nguyễn Thị Hương Giang</b>	Phó Chủ tịch	
Bà	<b>Nguyễn Thái Hà</b>	Phó Chủ tịch	
Ông	<b>Trần Mến</b>	Thành viên	
Bà	<b>Phan Thị Hồng Vân</b>	Thành viên	
Ông	<b>Nguyễn Cường Dũng</b>	Thành viên	

**Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm**

Bà	<b>Phan Thị Hồng Vân</b>	Tổng Giám đốc	
Ông	<b>Lê Thanh Huỳnh Cang</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/08/2017)
Ông	<b>Phan Minh Trí</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/03/2017)
Bà	<b>Hồ Nguyễn Duy Khương</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/04/2017)
Bà	<b>Nguyễn Thị Hương Giang</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)
Bà	<b>Nguyễn Thị Huệ Trinh</b>	Giám đốc Tài chính	

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông	<b>Hoàng Mạnh Tiến</b>	Trưởng ban	
Ông	<b>Hoàng Ngọc Hiệu</b>	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/07/2017)
Bà	<b>Nguyễn Trần Hằng Phương</b>	Thành viên	
Ông	<b>Nguyễn Công Khanh</b>	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/07/2017)
Bà	<b>Phạm Thị Thanh Mai</b>	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/07/2017)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.





## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

**Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:**

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

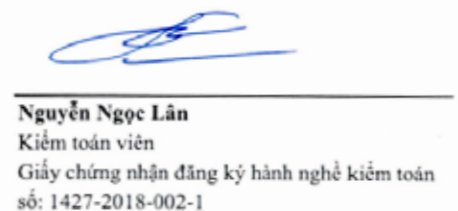
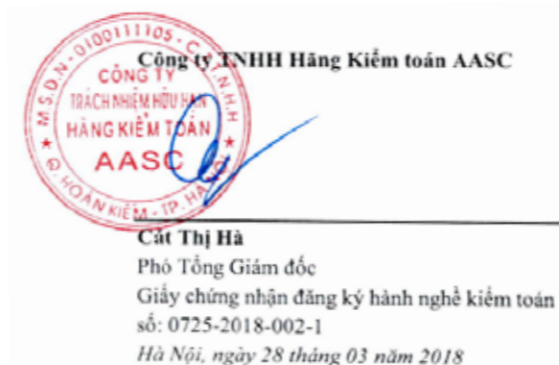
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC





# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>494,638,640,097</b>	<b>158,618,667,354</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>50,805,715,079</b>	<b>8,342,084,429</b>
111	1. Tiền		50,805,715,079	8,342,084,429
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>13,421,305,487</b>	<b>50,626,000,000</b>
121	2. Chứng khoán kinh doanh		13,923,725,737	50,626,000,000
122	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1,008,920,250)	
123	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		506,500,000	
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>402,748,098,963</b>	<b>93,233,731,166</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	44,942,127,103	12,984,647,247
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	25,821,947,328	7,115,278,993
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	303,800,000,000	4,900,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	29,370,976,977	68,433,863,975
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1,206,191,865)	(218,818,542)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		19,239,420	18,759,493
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>12,519,345,866</b>	<b>1,220,986,042</b>
141	1. Hàng tồn kho		12,519,345,866	1,220,986,042
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>15,144,174,702</b>	<b>5,195,865,717</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	6,877,003,638	1,838,200,533
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4,097,226,167	3,357,516,520
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	4,169,944,897	148,664
<b>200</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>63,517,668,886</b>	<b>4,378,403,286</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>03</b>	<b>50,805,715,079</b>	<b>8,342,084,429</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	52,850,000,000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	08	10,667,668,886	4,378,403,286
<b>210</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>790,662,971,452</b>	<b>201,317,179,122</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	744,026,787,531	167,761,689,275
222	- Nguyên giá		1,113,817,887,760	224,136,893,911
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(369,791,100,229)	(56,375,204,636)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	46,636,183,921	33,555,489,847
228	- Nguyên giá		58,549,381,311	39,614,342,176
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11,913,197,390)	(6,058,852,329)

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>19,557,180,573</b>	<b>-</b>
231	- Nguyên giá		31,625,075,425	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12,067,894,852)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>67,180,447,368</b>	<b>967,018,837</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		67,180,447,368	967,018,837
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>27,593,256,307</b>	<b>22,656,055,090</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		(1.00)	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24,352,213,569	22,633,145,090
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10,606,449,091	22,910,000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7,365,406,352)	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>143,097,351,082</b>	<b>28,450,861,784</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	83,792,537,851	11,610,889,880
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	1,446,181,602	-
269	3. Lợi thế thương mại	16	57,858,631,629	16,839,971,904
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1,606,247,515,765</b>	<b>416,388,185,473</b>

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>612,220,431,689</b>	<b>236,915,313,464</b>
	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>18</b>	<b>295,449,575,561</b>	<b>151,108,821,561</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	53,932,949,354	13,098,119,684
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	8,245,497,035	28,115,619,113
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	25,864,389,098	3,870,182,209
314	4. Phải trả người lao động		13,798,913,558	2,114,840
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	2,795,808,868	997,894,719
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	4,065,304,743	515,486,850
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	34,030,689,084	52,548,044,078
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	150,898,728,180	51,961,360,068
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,817,295,641	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>316,770,856,128</b>	<b>85,806,491,903</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	1,068,006,720	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23	21,522,789,896	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	4,299,996,131	930,670,000
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	287,700,863,983	84,346,942,511
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	2,179,199,398	528,879,392



<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>994,027,084,076</b>	<b>179,472,872,009</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>994,027,084,076</b>	<b>179,472,872,009</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		752,050,000,000	130,000,000,000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		752,050,000,000	130,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		748,636,364	910,000,000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		10,382,620,000	-
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(26,964,303)	-
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		6,860,164,848	6,719,655,738
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14,561,656,543	10,100,273,319
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		(7,476,391,779)	4,242,721,821
421b	LNST chưa phân phối năm nay		22,038,048,322	5,857,551,498
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		209,450,970,624	31,742,942,952
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1,606,247,515,765</b>	<b>416,388,185,473</b>

Người lập biểu

Hoàng Thị Mỹ Trang

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Phan Thị Hồng Vân

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2017 VND	NĂM 2016 VND
<b>110</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26</b>	<b>925,699,010,062</b>	<b>247,567,511,402</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		12,689,668	
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>925,686,320,394</b>	<b>247,567,511,402</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>27</b>	<b>665,626,803,939</b>	<b>225,378,797,938</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>260,059,516,455</b>	<b>22,188,713,464</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	28,666,256,212	33,141,953,341
22	7. Chi phí tài chính	29	64,157,450,102	11,548,110,745
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42,086,395,082	11,374,381,458
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		487,841,945	(89,235,738)
25	9. Chi phí bán hàng	30	40,934,405,770	7,450,840,486
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	126,396,760,468	27,573,580,612
<b>150</b>	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>57,724,998,272</b>	<b>8,668,899,224</b>
31	12. Thu nhập khác	32	20,561,210,399	18,663,909,640
32	13. Chi phí khác	33	19,436,135,901	17,537,550,617
<b>40</b>	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		<b>1,125,074,498</b>	<b>1,126,359,023</b>
<b>50</b>	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>58,850,072,770</b>	<b>9,795,258,247</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	23,869,080,505	3,764,631,135
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	(754,948,478)	23,962,054
<b>60</b>	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>35,735,940,743</b>	<b>6,006,665,058</b>
<b>61</b>	<b>19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>		<b>23,905,237,784</b>	<b>5,857,551,498</b>
<b>62</b>	<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>		<b>11,830,702,959</b>	<b>149,113,560</b>
<b>63</b>	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>36</b>	<b>401</b>	<b>451</b>

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MỸ TRANG

Kế toán trưởng

BÙI TẤN KHẢI

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ HỒNG VÂN

KQKD đã công bố: **35,133,782,932**  
 Chi phí thuế TNDN đã công bố: **27,241,492,415**  
 CL KQKD: 602,157,811  
 CL chi phí thuế: (3,372,411,910)







# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017 - (Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2017 VND	NĂM 2016 VND	
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>494,638,640,097</b>	<b>158,618,667,354</b>	
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>82,878,823,119</b>	<b>6,339,463,063</b>	
<b>02</b>	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>50,805,715,079</b>	<b>6,339,463,063</b>	
02	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư</li> <li>Các khoản dự phòng</li> <li>Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</li> <li>Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư</li> <li>Chi phí lãi vay</li> </ul>		61,463,498,085	10,848,729,982	
03			(28,060,423,534)	(663,150,827)	
04			17,720,541	(1,219,536)	
05			7,371,632,945	(15,219,278,014)	
06			42,086,395,082	11,374,381,458	
<b>08</b>		<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>141,728,895,889</b>	<b>16,134,721,310</b>
09	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng, giảm các khoản phải thu</li> <li>Tăng, giảm hàng tồn kho</li> <li>Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)</li> <li>Tăng, giảm chi phí trả trước</li> <li>Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh</li> <li>Tiền lãi vay đã trả</li> <li>Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp</li> <li>Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh</li> </ul>		74,915,208,497	11,820,950,370	
10			1,911,208,253	21,806,013,492	
11			(28,456,745,287)	(19,757,570,510)	
12			6,357,588	(3,622,559,371)	
13			32,265,131,859	-	
14			(41,765,348,239)	(11,712,039,574)	
15			(16,803,366,696)	(689,891,185)	
17			(863,815,029)	(264,117,371)	
<b>20</b>		<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>162,937,526,835</b>	<b>13,715,507,161</b>
		<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(90,738,965,081)	(13,393,073,218)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		27,366,619,542	2,721,699,658	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(430,975,245,544)	(14,800,000,000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		212,355,461,492	22,950,000,000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(617,485,038,149)	-	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		108,289,262,305	14,115,201,228	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6,711,244,957	979,777,779	
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(784,476,660,478)</b>	<b>12,573,605,447</b>	

	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		682,690,400,000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		341,978,217,473	104,474,634,614
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(360,648,132,639)	(130,597,421,515)
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>42,481,351,191</b>	<b>166,325,707</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>8,342,084,429</b>	<b>8,174,539,186</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(17,720,541)	1,219,536
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>03</b>	<b>50,805,715,079</b>	<b>8,342,084,429</b>

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MỸ TRANG

Kế toán trưởng

BÙI TẤN KHẢI

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ HỒNG VÂN

Công ty con trích quỹ KTPL  
Tà Cú

(259,250,950)



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

## 1. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

### HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16

ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Trụ sở chính của Công ty tại

Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty

**752.050.000.000** đồng

Tương đương

**75.205.000** cổ phần

Mệnh giá một cổ phần

**10.000** đồng



**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia); - Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; - Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; - Tổ chức tour du lịch lữ hành; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện; - Giáo dục mầm non. Chi tiết: nhà trẻ mầm non (chỉ được phép hoạt động khi được UBND cấp huyện cấp giấy phép);
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở); - Cho thuê mặt bằng, kho bãi; Tổ chức sự kiện;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu

trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ); - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ và khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ và khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).
- Kinh doanh vũ trường, phòng

trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ); - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ và khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn Golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của TTC Tourist trên thị trường du lịch. Các công ty này đã trở thành công ty con của Công ty và được hợp nhất bổ sung vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 làm quy mô tài sản,



## CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

TÊN CÔNG TY	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền Biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt</b>	Tỉnh Lâm Đồng	100.00%	100.00%	Dịch vụ lưu trú
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre</b>	Tỉnh Bến Tre	84.45%	84.45%	Dịch vụ lưu trú
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (*)</b>	Tỉnh Khánh Hòa	82.32%	82.32%	Dịch vụ lưu trú
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*)</b>	Tỉnh Lâm Đồng	72.01%	72.01%	Khu vui chơi
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình (*)</b>	TP. Hồ Chí Minh	74.80%	74.80%	Dịch vụ lưu trú

### Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn:

(\*) Trong năm, thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu của các Công ty con, Công ty đã hoàn tất việc mua và nắm giữ cổ phiếu của các công ty này và nắm quyền kiểm soát từ tháng 04/2017.

Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi có công ty con (F2) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty bao gồm:

TÊN CÔNG TY	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền Biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận</b>	Ninh Thuận	80.31%	97.56%	Dịch vụ lưu trú

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng có các Công ty con (F2) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

TÊN CÔNG TY	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền Biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng</b>	Lâm Đồng	57.85%	80.34%	Kinh doanh bất động sản
<b>Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan</b>	Hoa Kỳ	72.01%	100.00%	Thương mại, dịch vụ
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú</b>	Bình Thuận	76.48%	99.33%	Dịch vụ du lịch, lưu trú

Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

TÊN CÔNG TY	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền Biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty TNHH Du lịch Vinagolf AngKor</b>	Vương quốc Campuchia	49.00%	49.00%	Dịch vụ lưu trú
<b>Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình</b>	TP. Hồ Chí Minh	42.00%	48.79%	Nhà hàng

## 2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

### KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy

định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán

đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đồng không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.





**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định

tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng hạng mục công việc chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH VÀ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	08 - 50 năm
<b>Máy móc, thiết bị</b>	03 - 12 năm
<b>Phương tiện vận tải</b>	06 - 12 năm
<b>Thiết bị văn phòng</b>	03 - 10 năm
<b>Các tài sản khác</b>	04 - 15 năm
<b>Quyền sử dụng đất</b>	12 - 50 năm
<b>Phần mềm máy tính</b>	03 - 20 năm
<b>Tài sản vô hình khác</b>	03 năm

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

sau:

<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	10 - 50 năm
<b>Quyền sử dụng đất</b>	05 - 15 năm

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

**2.10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12. CÁC KHOẢN VAY**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, doanh thu cho thuê mặt bằng, văn phòng, doanh thu nhận trước đối với hoạt động nhà nghỉ, khách sạn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công

ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17. DOANH THU**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**2.21. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự





Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.21. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát

Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	4,828,341,206	123,669,874
<b>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>	45,798,268,646	7,961,907,452
<b>Tiền đang chuyển</b>	179,105,227	256,507,103
	<b>50,805,715,079</b>	<b>8,342,084,429</b>

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>506,500,000</b>	<b>506,500,000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	506,500,000	506,500,000	-	-
	<b>506,500,000</b>	<b>506,500,000</b>	-	-

#### b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				
Công ty Cổ phần Golf 1	-	-	50,626,000,000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa [*]	13,923,704,222	(1,008,920,250)	-	-
Cổ phiếu khác	21,515	-	-	-
	<b>13,923,725,737</b>	<b>(1,008,920,250)</b>	<b>50,626,000,000</b>	-

[\*] Trong năm, Công ty đã mua 608.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (Mã cổ phiếu BHS), tương ứng giá trị 13,9 tỷ đồng với mục đích làm chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm tháng 9/2017, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã hoàn thành sáp nhập với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (Mã cổ phiếu SBT) theo tỷ lệ hoán đổi 1:1,02. Theo đó, 608.700 cổ phiếu BHS đã được hoán đổi thành 620.874 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty. Đến thời điểm tháng 11/2017, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã hoàn thành thủ tục đổi tên thành Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ theo giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31/12/2017 là: 12.914.783.972 VND.



**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

31/12/2017				01/01/2017				
Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	
			VND				VND	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>								
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	Vương quốc Campuchia	49%	49%	23,203,956,271	Vương quốc Campuchia	49%	22,633,145,090	
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Thành phố Hồ chí Minh	35.13%	48.79%	1,148,257,298	-	-	-	
				<b>24,352,213,569</b>	<b>22,633,145,090</b>			

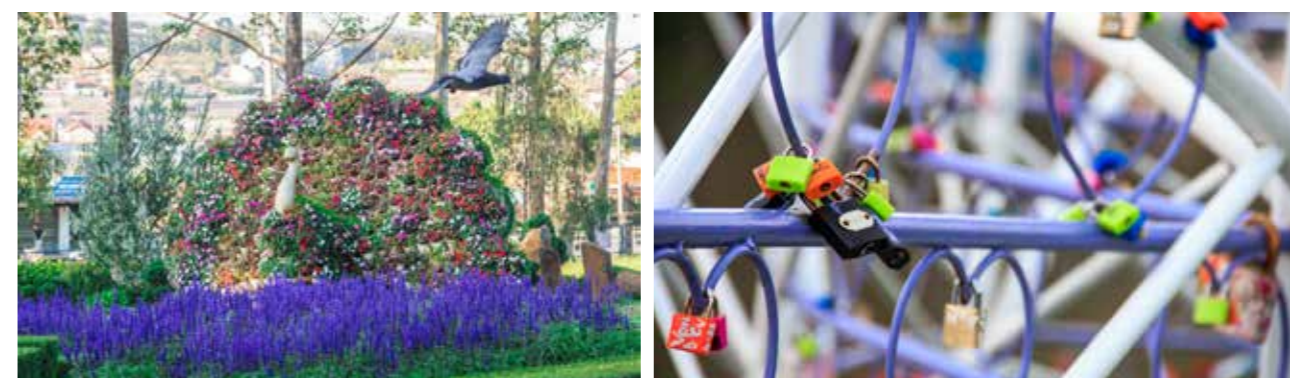
**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại bia Sài Gòn Sông Tiền	22,910,000	-	22,910,000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	121,810,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát	461,729,091	-	-	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận [*]	10,000,000,000	(7,365,406,352)	-	-
				<b>22,910,000</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**[\*] Thông tin chi tiết về khoản đầu tư này như sau:**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Tên công ty nhận đầu tư				
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	6.4%	8.4%	Dịch vụ du lịch





## 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

### a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	136,232,200	3,617,833,769
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - Chi nhánh Bến Tre	-	3,351,657,273
Công ty Cổ Phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	58,124,642	304,972,603
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1,253,213,304	306,805,466
Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel)	26,437,000	341,290,000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình	13,200,000,000	-
Võ Trọng Hữu	14,000,000,000	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Anex Việt Nam	2,878,347,750	-
Công ty TNHH Thành Bưởi	1,500,000,000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm	1,475,038,749	-
	<b>44,942,127,103</b>	<b>12,984,647,247</b>
	<b>1,253,213,304</b>	<b>311,473,466</b>

### b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

## 6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	1,988,344,626	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ D.P.N	-	-	761,574,000	-
Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP	1,188,532,735	-	655,076,100	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phạm Nguyễn	4,017,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đặng Gia	4,733,773,677	-	-	-
Các khoản trả trước người bán khác	15,882,640,916	-	3,710,284,267	-
	<b>25,821,947,328</b>	<b>-</b>	<b>7,115,278,993</b>	<b>-</b>

## 7. Phải thu về cho vay

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Nước Khoáng ĐaKai	-	-	4,900,000,000	-
Đặng Nhân Dung [1]	5,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công [2]	285,800,000,000	-	-	-
Triệu Phi Yến [3]	13,000,000,000	-	-	-
			<b>- 4,900,000,000</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công [4]	52,850,000,000	-	-	-
			<b>-</b>	<b>-</b>

### Thông tin chi tiết về các khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2017:

[1] Khoản cho vay theo hợp đồng số 01/2014/HĐCV và Phụ lục số 07 ngày 22/10/2017, thời hạn cho vay: 06 tháng, lãi suất 9,2%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

[2] Khoản cho vay theo các hợp đồng số 18A/2017/HĐV-DLTB ngày 20/11/2017, 01/2017/HĐCV-DA ngày 25/09/2017, 02/2017/HĐCV-DA ngày 03/10/2017, 03/2017/HĐCV-DA ngày 26/10/2017. Thời hạn cho vay từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất 8,5% - 10%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

[3] Khoản cho vay theo hợp đồng số 04/2017/HĐCV-DA ngày 05/10/2017 và Phụ lục số 01 ngày 18/11/2017. Thời hạn cho vay: 06 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

[4] Khoản cho vay theo các hợp đồng số 431/2017/HĐV-DLBT ngày 09/05/2017, 33/2017/HĐV-DLBT ngày 25/09/2017, 455/2017/HĐV-DLBT ngày 19/07/2017, 432/2017/HĐV-DLBT ngày 31/05/2017, 02/2013/HĐCV ngày 1/12/2017, 01/2017/HĐCV ngày 23/03/2017. Thời hạn cho vay: 24 tháng, lãi suất 8,5% - 10,5%/năm. Hình thức bảo đảm: tín chấp;

## 8. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)	5,354,592,230	-	5,354,592,230	-
Phải thu tiền giá vốn vé máy bay khách hàng đã đặt mua nhưng chưa bay	-	-	98,761,427	-
Phải thu người lao động tiền tạm ứng	5,205,891,994	-	285,576,243	(70,183,000)
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	9,618,515,739	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	2,120,991,546	-	-	-



Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp	-	-	54,522,364,000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi - chi nhánh Bến Tre về tiền lãi hợp tác kinh doanh	-	-	1,044,207,481	-
Phải thu Công ty CP Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh	-	-	3,223,596,551	-
Phải thu khác	7,070,985,468	-	3,904,766,043	-
	<b>29,370,976,977</b>	-	<b>68,433,863,975</b>	<b>(70,183,000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	10,667,668,886	-	4,378,403,286	-
	<b>10,667,668,886</b>	-	<b>4,378,403,286</b>	-

## 9. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
Phần góp vốn Ao Bà Om	-	-	69,773,000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tấn Lợi	369,000,000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Istanbul	187,290,825	56,187,247	-	-
Công ty TNHH XNK Nông sản Hồng Ân	159,085,000	47,725,500	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Sài Gòn Quốc tế	141,999,500	42,599,850	-	-
Các đối tượng khác	609,042,962	113,713,825	149,045,542	-
	<b>1,466,418,287</b>	<b>260,226,422</b>	<b>218,818,542</b>	-

## 10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5,076,869,378	-	183,627,231	-
Công cụ, dụng cụ	2,075,007,036	-	1,037,358,811	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	564,411,740	-	-	-
Thành phẩm	265,807,812	-	-	-
Hàng hóa	4,537,249,900	-	-	-
Các đối tượng khác	609,042,962	-	149,045,542	-
	<b>12,519,345,866</b>	-	<b>218,818,542</b>	-

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Mua sắm</b>		
Phần mềm Ghihotech	105,000,000	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>105,000,000</b>	-
Dự án sáp nhập 3 Khu du lịch Dũng Anh - Đồi Mộng Mơ - Thung lũng tình yêu	67,075,447,368	967,018,837
Dự án cải tạo đồi Thống Nhất	9,878,899,756	-
Công trình xây dựng biệt thự tại 51 Hùng Vương, Thành phố Đà Lạt	15,314,860,287	-
Dự án đầu tư Khu du lịch Đốc Lết	10,172,267,800	-
Nâng cấp Nhà hàng nướng tại TTC Phan Thiết	11,797,616,986	-
Công trình khác	3,971,347,139	-
	<b>67,180,447,368</b>	<b>967,018,837</b>





## 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND		VND	VND		VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	202,794,771,106	9,076,344,745	7,254,480,918	4,019,413,136	991,884,006	224,136,893,911
Mua trong năm	2,455,029,711	5,191,480,780	8,512,450,203	1,487,539,035	1,979,200,286	19,625,700,015
Đầu tư XDCB hoàn thành	22,815,646,496	1,571,304,181	318,678,182	-	6,899,878,666	31,605,507,525
Tăng do mua các Công ty con trong năm	625,551,715,546	106,235,638,468	106,242,831,271	9,429,303,225	30,682,579,936	878,142,068,446
Thanh lý, nhượng bán	(2,597,903,618)	(2,042,263,541)	(29,437,053,189)	(30,159,145)	-	(34,107,379,493)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(4,552,746,881)	-	-	-	-	(4,552,746,881)
Phân loại là TSCĐ vô hình	-	(72,881,000)	-	-	-	(72,881,000)
Giảm do phân loại lại	-	(91,000,000)	91,000,000	-	-	-
Giảm khác	(182,374,974)	(492,727,789)	-	-	(284,172,000)	(959,274,763)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>846,284,137,386</b>	<b>119,375,895,844</b>	<b>92,982,387,385</b>	<b>14,906,096,251</b>	<b>40,269,370,894</b>	<b>1,113,817,887,760</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	48,443,365,774	3,172,001,589	2,628,065,956	1,765,693,349	366,077,968	56,375,204,636
Tăng do mua các Công ty con trong năm	147,453,153,766	52,173,095,986	68,579,904,435	4,096,798,634	8,648,910,924	280,951,863,745
Khấu hao trong năm	28,514,599,566	10,741,426,167	6,618,573,126	1,645,675,159	4,030,017,956	51,550,291,974
Thanh lý, nhượng bán	(2,147,146,641)	(1,963,396,863)	(13,498,837,657)	(30,159,145)	-	(17,639,540,306)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(896,944,614)	-	-	-	-	(896,944,614)
Giảm khác	(11,473,780)	(254,129,426)	-	-	(284,172,000)	(549,775,206)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>221,355,554,071</b>	<b>3,172,001,589</b>	<b>64,327,705,860</b>	<b>7,478,007,997</b>	<b>12,760,834,848</b>	<b>369,791,100,229</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	154,351,405,332	5,904,343,156	4,626,414,962	2,253,719,787	625,806,038	167,761,689,275
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>624,928,583,315</b>	<b>116,203,894,255</b>	<b>28,654,681,525</b>	<b>7,428,088,254</b>	<b>27,508,536,046</b>	<b>744,026,787,531</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 214.499.470.881 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.371.665.955 VND.



## 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>38,892,426,817</b>	<b>346,000,000</b>	<b>375,915,359</b>	<b>39,614,342,176</b>
- Mua trong năm	-	887,468,333	-	887,468,333
- Tặng do mua các Công ty con trong năm	15,820,757,662	2,153,932,140	-	17,974,689,802
- Tặng do phân loại lại từ TSCĐ hữu hình	-	72,881,000	-	72,881,000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54,713,184,479</b>	<b>3,460,281,473</b>	<b>375,915,359</b>	<b>58,549,381,311</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.743.355.666 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 542.630.500 VND.

## 14. Bất động sản đầu tư

### a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-
Tăng do mua Công ty con trong năm	4,772,088,300	27,072,328,544	31,844,416,844
Tăng do phân loại lại	-	4,552,746,881	4,552,746,881
Thanh lý, nhượng bán	(4,772,088,300)	-	(4,772,088,300)
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>31,625,075,425</b>	<b>31,625,075,425</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-
Tăng do mua Công ty con trong năm	-	9,630,580,219	9,630,580,219
Khấu hao trong năm	-	1,540,370,019	1,540,370,019
Tăng do phân loại lại	-	896,944,614	896,944,614
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>12,067,894,852</b>	<b>12,067,894,852</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	-	<b>19,557,180,573</b>	<b>19,557,180,573</b>

## 15. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3,552,461,840	181,471,130
Chi phí sửa chữa, bảo trì	803,065,449	62,148,483
Chi phí sửa chữa Công trình Trung tâm tiệc cưới Đồng Khởi	-	1,240,909,082
Các khoản khác	2,521,476,349	353,671,838
	<b>6,877,003,638</b>	<b>1,838,200,533</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	19,188,059,572	1,611,990,011
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông <sup>(1)</sup>	4,107,894,458	4,621,381,262
Chi phí quyền sử dụng đất <sup>(2)</sup>	2,796,816,024	2,949,369,624
Chi phí thuê đất	707,642,251	239,999,616
Lợi thế thương mại hình thành khi sáp nhập chi nhánh	7,051,954,898	-
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận <sup>(3)</sup>	12,634,263,508	-
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi (Chi phí trả trước sáp nhập từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận) <sup>(4)</sup>	1,175,374,421	-
Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận <sup>(5)</sup>	24,715,046,951	-
Chi phí làm phim quảng cáo	295,050,503	448,989,899
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4,916,357,728	1,596,262,095
Các khoản khác	6,204,077,537	142,897,373
	<b>83,792,537,851</b>	<b>11,610,889,880</b>

(1) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông vào Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre theo Hợp đồng sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HDQT ngày 21/12/2015, số tiền: 5.134.868.066 đồng, phân bổ trong thời gian 10 năm từ ngày 01/01/2016.

(2) Chi phí quyền sử dụng đất nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông khi sáp nhập vào Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre theo hợp đồng sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HDQT ngày 21/12/2015. Đây là giá trị góp vốn bằng Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36 tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre và Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại phường 8, thành phố Bến Tre của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre vào Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất ngày 07/12/2009. Chi phí quyền sử dụng đất trên được Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre tiếp nhận và phân bổ trong thời gian 20 năm.

(3) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận vào Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo Hợp đồng sáp nhập ngày 02/12/2015 số tiền 15.702.829.395 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ tháng 01/2016.

(4) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận (sau đó đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi) năm 2015 số tiền 1.555.642.608 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ tháng 07/2017.

(5) Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận được xác định theo Chứng thư Thẩm định giá số 1634/2016/BC-DAVIHN ngày 30/12/2016 do Công ty TNHH Thẩm định giá Đại Việt phát hành. Theo đó, tổng giá trị tiền lợi thế tiền thuê đất tại ngày 01/12/2016 là 25.811.619.000 VND được Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian 306 tháng kể từ tháng 12/2016 theo thời hạn thuê đất.



## 16. Lợi thế thương mại

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	66,808,255,845	18,885,949,799
Số đã phân bổ các năm trước	(2,045,977,895)	(157,382,915)
Số phân bổ năm nay	(6,466,456,601)	(1,888,594,980)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(437,189,720)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>57,858,631,629</b>	<b>16,839,971,904</b>





## 17. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017		TRONG NĂM			31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do mua Công ty con trong năm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>37,984,414,720</b>	<b>37,984,414,720</b>	<b>50,529,230,652</b>	<b>258,994,555,357</b>	<b>252,430,188,940</b>	<b>95,078,011,789</b>	<b>95,078,011,789</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	459,802,754	459,802,754	-	12,653,378,977	5,147,472,614	7,965,709,117	7,965,709,117
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	4,100,000,000	4,100,000,000	16,200,000,000	48,300,000,000	55,050,000,000	13,550,000,000	13,550,000,000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	-	1,993,129,265	666,026,003	1,327,103,262	1,327,103,262
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	5,613,720,179	19,988,696,611	16,216,500,420	9,385,916,370	9,385,916,370
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	-	-	7,971,065,784	45,372,172,816	47,600,414,704	5,742,823,896	5,742,823,896
Cán bộ nhân viên	-	-	11,326,000,000	15,054,000,000	8,527,000,000	17,853,000,000	17,853,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt	-	-	21,960,444,689	56,550,221,158	52,579,071,507	25,931,594,340	25,931,594,340
Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng	-	-	-	26,761,091,726	26,761,091,726	-	-
Ngân hàng BIDV- Bến Thành	450,000,000	450,000,000	-	-	450,000,000	-	-
Ngân hàng HDBANK- Chi nhánh Nguyễn Trãi	500,000,000	500,000,000	-	-	500,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	19,932,611,966	19,932,611,966	-	13,321,864,804	19,932,611,966	13,321,864,804	13,321,864,804
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	12,542,000,000	12,542,000,000	(12,542,000,000)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	-	19,000,000,000	19,000,000,000	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>13,976,945,348</b>	<b>13,976,945,348</b>	<b>38,624,868,944</b>	<b>53,335,716,391</b>	<b>50,116,814,292</b>	<b>55,820,716,391</b>	<b>55,820,716,391</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1,000,000,000	1,000,000,000	-	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Ngân hàng TMCP Á Châu	3,087,759,004	3,087,759,004	-	3,882,658,588	3,087,759,004	3,882,658,588	3,882,658,588
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	-	-	2,091,223,944	2,091,223,944	2,091,223,944	2,091,223,944	2,091,223,944
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	12,795,645,000	20,359,860,000	12,795,645,000	20,359,860,000	20,359,860,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	-	-	9,081,000,000	9,000,000,000	9,081,000,000	9,000,000,000	9,000,000,000
Vay cá nhân	-	-	5,166,000,000	340,000,000	2,681,000,000	2,825,000,000	2,825,000,000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	-	-	1,031,000,000	1,176,680,000	1,031,000,000	1,176,680,000	1,176,680,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt	-	-	8,460,000,000	9,180,000,000	8,460,000,000	9,180,000,000	9,180,000,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	198,000,000	198,000,000	-	539,676,996	198,000,000	539,676,996	539,676,996
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	9,691,186,344	9,691,186,344	-	5,089,050,400	9,691,186,344	5,089,050,400	5,089,050,400
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Ninh Thuận	-	-	-	676,566,463	-	676,566,463	676,566,463
	<b>51,961,360,068</b>	<b>51,961,360,068</b>	<b>89,154,099,596</b>	<b>312,330,271,748</b>	<b>302,547,003,232</b>	<b>150,898,728,180</b>	<b>150,898,728,180</b>



	01/01/2017		TRONG NĂM			31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do mua Công ty con trong năm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4,739,521,197	4,739,521,197	-	-	1,000,000,000	3,739,521,197	3,739,521,197
Ngân hàng TMCP Á Châu	30,964,328,905	30,964,328,905	-	-	3,087,759,004	27,876,569,901	27,876,569,901
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	-	-	11,675,999,424	-	2,091,223,944	9,584,775,480	9,584,775,480
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	-	94,536,796,665	9,545,488,646	16,118,826,993	87,963,458,318	87,963,458,318
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	-	-	80,063,851,009	-	15,214,000,000	64,849,851,009	64,849,851,009
Vay cá nhân	-	-	6,513,000,000	225,000,000	2,913,000,000	3,825,000,000	3,825,000,000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	-	-	5,154,827,000	676,368,000	1,114,750,000	4,716,445,000	4,716,445,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt	-	-	72,487,500,000	7,226,238,650	8,599,180,000	71,114,558,650	71,114,558,650
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	-	-	44,800,000,000	25,800,000,000	19,000,000,000	19,000,000,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	990,000,000	990,000,000	-	1,708,385,000	198,000,000	2,500,385,000	2,500,385,000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	61,630,037,757	61,630,037,757	-	8,381,029,000	32,081,203,758	37,929,862,999	37,929,862,999
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi nhánh Ninh Thuận	-	-	-	10,421,152,820	-	10,421,152,820	10,421,153,320
	<b>98,323,887,859</b>	<b>98,323,887,859</b>	<b>270,431,974,098</b>	<b>82,983,662,116</b>	<b>108,217,943,699</b>	<b>343,521,580,374</b>	<b>343,521,580,874</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13,976,945,348)	(13,976,945,348)	(38,624,868,944)	(53,335,716,391)	(50,116,814,292)	(55,820,716,391)	(55,820,716,391)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>84,346,942,511</b>	<b>84,346,942,511</b>				<b>287,700,863,983</b>	<b>287,700,864,483</b>
			<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Hình thức đảm bảo</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
						VND	VND
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:</b>							
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam [1]			VND	6.9%	Tài sản	7,965,709,117	459,802,754
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công			VND	11.0%	Tín chấp	13,550,000,000	4,100,000,000
Ngân hàng TMCP Á Châu [2]			VND	8.5%	Tài sản	1,327,103,262	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa [4]			VND	Điều chỉnh	Tài sản	9,385,916,370	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận [5]			VND	Điều chỉnh	Tài sản	5,742,823,896	-
Cán bộ công nhân viên			VND	9.0%	Tín chấp	17,853,000,000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt [7]			VND	Điều chỉnh	Tài sản	25,931,594,340	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Bến Thành			VND	9.0%	Tín chấp	-	450,000,000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi			VND	Điều chỉnh	Tín chấp	-	500,000,000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [9]			VND	Điều chỉnh	Tài sản	13,321,864,804	19,932,611,966
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi			VND	9.3%	Tín chấp	-	12,542,000,000
						<b>95,078,011,789</b>	<b>37,984,414,720</b>



Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017	
				VND	VND	
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:</b>						
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam [1]	VND	Điều chỉnh	6.9%	Tài sản	7,965,709,117	459,802,754
Ngân hàng TMCP Á Châu [2]	VND	Điều chỉnh	11.0%	Tín chấp	13,550,000,000	4,100,000,000
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh [3]	VND	9.5%	8.5%	Tài sản	1,327,103,262	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa [4]	VND	Điều chỉnh	Điều chỉnh	Tài sản	9,385,916,370	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận [5]	VND	Điều chỉnh	Điều chỉnh	Tài sản	5,742,823,896	-
Cán bộ công nhân viên	VND	Điều chỉnh	9.0%	Tín chấp	17,853,000,000	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng[6]	VND	Điều chỉnh	Điều chỉnh	Tài sản	25,931,594,340	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt[7]	VND	Điều chỉnh	9.0%	Tín chấp	-	450,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	10.5%	Điều chỉnh	Tín chấp	-	500,000,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh[8]	VND	Điều chỉnh	Điều chỉnh	Tài sản	13,321,864,804	19,932,611,966
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đăklăk [9]	VND	Điều chỉnh	9.3%	Tín chấp	-	12,542,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận [10]	VND	Điều chỉnh				
				<b>343,521,580,374</b>	<b>98,323,887,859</b>	
				(55,820,716,391)	(13,976,945,348)	
				<b>287,700,863,983</b>	<b>84,346,942,511</b>	

### Thông tin chi tiết về tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

- [1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản, Công cụ dụng cụ của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre;
- [2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu được đảm bảo bằng Công trình Palace của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre;
- [3] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng Nhà cửa vật kiến trúc tạo số 25 Lý Thường Kiệt, P7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình;
- [4] Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa được đảm bảo bằng tài sản của Khách sạn Michelia của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi;
- [5] Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận được đảm bảo bằng tài sản của Trung tâm Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Bình Thuận và Công trình Palace của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi;
- [6] Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng được đảm bảo bằng các Tài sản của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Lô đất 557 - KQH Trại Cá, đường Hàn Thuyên, Phường 5, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 010756 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/08/2010; Động sản bao gồm: Máy phát điện G-Power, đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 1x400kVA cung cấp điện cho trung tâm giặt ủi, hệ thống máy bơm nhiệt Megasun, thang máy tải hàng kèm người, máy giặt vắt công nghiệp, máy sấy công nghiệp, máy sấy và máy ủi khách sạn Ngọc Lan được cải tạo, hệ thống xử lý nước thải;
- [7] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Lạt được đảm bảo bằng các Tài sản của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, bao gồm: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác tại đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 01, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận số BH 130688 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp theo ủy quyền ngày 12/04/2012; Quyền sử dụng đất tại Lô B3, khoảnh 507, Tiểu khu 144B, Phường 08, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận số Y360935 do UBND Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/03/2004; Quyền sở hữu Công trình xây dựng theo giấy chứng nhận số 686722477200171 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp theo ủy quyền ngày 24/09/2008; Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số P 790004 do UBND tỉnh do UBND Huyện Đức Trọng cấp ngày 02/12/1999;
- [8] Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của Công ty là xe Mercedes-Benz biển kiểm soát 51G-530.80 và xe Toyota biển kiểm soát : 51G-238.77;

- [9] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đăklăk được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của Công ty là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty cổ phần mía đường Thành Thành Công Tây Ninh phát hành, tỷ lệ đảm bảo 60%;
- [10] Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Ninh Thuận được đảm bảo bằng nhà cửa, phương tiện vận tải của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, bao gồm: (i) Tài sản là 22 nhà nghỉ B4 - khu Brang, khu du lịch Bàu Trúc Ninh Thuận (nay là TTC Resort Premium - Ninh Thuận) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số phát hành 585822277700151 do UBND tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 18/06/2009 theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0043/2017/VCB.NTH ký ngày 15 tháng 05 năm 2017 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận; (ii) Xe Buggy vận chuyển hành khách và phục vụ; (iii) Xe vệ sinh cát biển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận; (iv) Các công trình trên đất (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành AB 095564, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00046 do UBND tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 19/04/2005) chưa được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sở hữu (không thuộc khu Brang) tại khu du lịch Bàu Trúc Ninh Thuận thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận.

### c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Mối quan hệ	01/01/2017		01/01/2017	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Vay	32,550,000,000	2,512,922,913	4,100,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng lớn	32,550,000,000	2,512,922,913	4,100,000,000
	<b>32,550,000,000</b>	<b>2,512,922,913</b>	<b>4,100,000,000</b>	<b>-</b>



## 18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	1,013,913,500	1,013,913,500	697,993,000	697,993,000
Công ty CP Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	772,069,000	772,069,000
Chi nhánh Công ty CP Du lịch Thăng Lợi	-	-	5,785,576,223	5,785,576,223
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8,338,191,063	8,338,191,063	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	26,000,000,000	26,000,000,000	-	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	3,392,261,677	3,392,261,677	-	-
Phải trả các đối tượng khác	13,559,111,513	13,559,111,513	4,213,009,860	4,213,009,860
	<b>53,932,949,354</b>	<b>13,098,119,684</b>		
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601
	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)</b>				
	<b>8,338,191,063</b>	<b>1,170,960,622</b>	<b>1,170,960,622</b>	<b>1,170,960,622</b>

## 19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND
Viên Diệu Hoa	-	-	26,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công	2,029,726,000	-	-	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	6,215,771,035	-	2,115,619,113	-
	<b>8,245,497,035</b>	<b>28,115,619,113</b>		





## 20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Tăng do mua Công ty con trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	148,664	500,838,924	2,205,327,905	62,688,496,520	61,134,154,968	502,411,654	4,762,771,371
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	45,606,061	48,257,828	1,906,323,813	1,887,529,348	5,100,592	117,758,946
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,043,321,545	909,731,062	23,906,570,579	16,803,366,696	3,659,336,914	14,715,593,404
Thuế thu nhập cá nhân	-	280,415,679	51,811,942	3,546,397,363	2,939,102,183	-	939,522,801
Thuế tài nguyên	-	-	6,145,120	71,829,120	71,784,960	-	6,189,280
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2,843,440,905	12,206,675,178	10,053,701,687	3,095,737	4,999,510,133
Các loại thuế khác	-	-	1,585,185	1,052,982,318	1,031,071,014	-	23,496,489
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	293,442,162	348,733,752	342,629,240	-	299,546,674
	<b>148,664</b>	<b>3,870,182,209</b>	<b>6,359,742,109</b>	<b>105,728,008,643</b>	<b>94,263,340,096</b>	<b>4,169,944,897</b>	<b>25,864,389,098</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 21. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	589,949,431	268,902,588
Chi phí tiền lương phải trả	-	590,663,000
Chi phí tư vấn	782,849,294	-
Trích trước chi phí hoa hồng	337,000,000	-
Chi phí phải trả khác	1,086,010,143	138,329,131
	<b>2,795,808,868</b>	<b>997,894,719</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trích trước giá vốn cho thuê tài sản (công trình 51 Hùng Vương)	1,068,006,720	-
	<b>1,068,006,720</b>	<b>-</b>

## 22. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	104,218,080	27,217,893
Kinh phí công đoàn	699,859,214	188,669,717
Bảo hiểm xã hội	348,339,607	28,317,774
Bảo hiểm y tế	94,481,949	15,276,397
Bảo hiểm thất nghiệp	40,610,470	1,659,106
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4,733,613,970	265,715,498
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9,728,524,541	8,132,524,541
Các khoản phải trả phải nộp khác	18,281,041,253	43,888,663,152
Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ	4,008,603,410	4,671,130,250
Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	34,860,000,000
Công ty Cổ phần Du Lịch Thăng Lợi	-	1,152,560,537
Các quỹ phục vụ	6,576,345,068	-
Phải trả khác	7,696,092,775	3,204,972,365
	<b>34,030,689,084</b>	<b>52,548,044,078</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,299,996,131	930,670,000
	<b>4,299,996,131</b>	<b>930,670,000</b>



## 23. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động tour	10,434,393	92,963,638
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng, văn phòng	2,366,896,745	-
Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn	1,578,882,697	291,100,000
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	109,090,908	131,423,212
	<b>4,065,304,743</b>	<b>515,486,850</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng văn phòng [*]	21,522,789,896	-
	<b>21,522,789,896</b>	-

(\*) Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/2012/HĐTMB ngày 04/04/2012 giữa Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng, thời hạn cho thuê từ 10/05/2010 đến 10/05/2060 với tổng giá trị hợp đồng là 23.011.352.082 đồng.

## 24. Vốn chủ sở hữu

[\*] Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của Công ty trên thị trường du lịch. Cụ thể như sau:

Số lượng cổ phiếu phát hành

**62.205.000** cổ phiếu

Tương ứng

**622.050.000.00** đồng

Tương ứng

**0** đồng vốn điều lệ

Hình thức phát hành:

**Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:4,785;**

**Ngày đăng ký giao dịch thành công: 03/04/2017**

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	244,274,250,000	32.48%	51,051,000,000	39.27%
Ông Huỳnh Văn Thành	37,095,570,000	4.93%	-	0.00%
Ông Tiền Vĩ Diệp	28,030,400,000	3.73%	-	0.00%
Các cổ đông khác	442,649,780,000	58.86%	78,949,000,000	60.73%
	<b>752,050,000,000</b>	<b>100.00%</b>	<b>130,000,000,000</b>	<b>100.00%</b>

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	130,000,000,000	130,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	622,050,000,000	-
Vốn góp cuối năm	752,050,000,000	130,000,000,000

### d) Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>75,205,000</b>	<b>13,000,000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>75,205,000</b>	<b>13,000,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	75,205,000	13,000,000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>75,205,000</b>	<b>13,000,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	75,205,000	13,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):</b>	<b>10,000</b>	<b>10,000</b>

### f) Các quỹ của Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6,860,164,848	6,719,655,738
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<b>6,860,164,848</b>	<b>6,719,655,738</b>

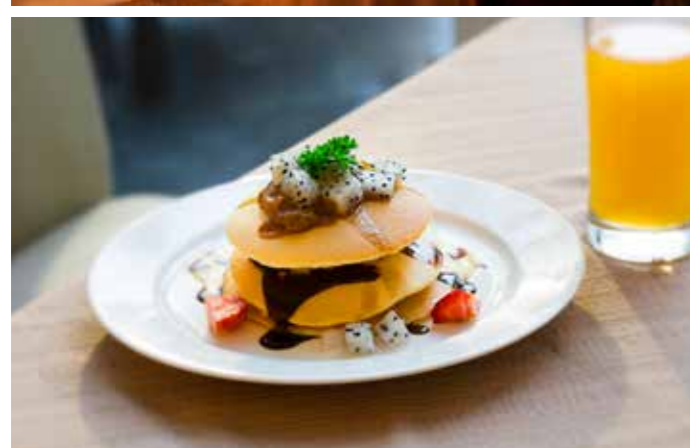


## 24 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>130,000,000,000</b>	<b>910,000,000</b>	-	-	<b>6,719,655,738</b>	<b>4,242,721,821</b>	<b>31,593,829,392</b>	<b>173,466,206,951</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5,857,551,498	149,113,560	6,006,665,058
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>130,000,000,000</b>	<b>910,000,000</b>	-	-	<b>6,719,655,738</b>	<b>10,100,273,319</b>	<b>31,742,942,952</b>	<b>179,472,872,009</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>130,000,000,000</b>	<b>910,000,000</b>	-	-	<b>6,719,655,738</b>	<b>10,100,273,319</b>	<b>31,742,942,952</b>	<b>179,472,872,009</b>
Tăng vốn trong năm nay [*]	622,050,000,000	-	-	10,382,620,000	-	-	60,642,600,000	693,075,220,000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	23,905,237,784	11,830,702,959	35,735,940,743
Điều chỉnh lợi ích do thay đổi cơ cấu vốn góp tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(9,904,807,753)	(9,595,904,177)	(19,500,711,930)
Tăng do hợp nhất bổ sung thêm công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	116,543,362,105	116,543,362,105
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(1,656,280,000)	(1,656,280,000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	140,509,110	(9,940,970,589)	(1,355,394,889)	(11,155,856,368)
Chi phí phát hành tăng vốn	-	(161,363,636)	-	-	-	-	-	(161,363,636)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh tại Công ty con	-	-	(26,964,303)	-	-	-	(8,641,475)	(35,605,778)
Chênh lệch giá mua và giá trị tài sản thuần khi góp thêm vốn vào Công ty con	-	-	-	-	-	(403,303,349)	-	(403,303,349)
Điều chỉnh liên quan đến thoái vốn tại Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	-	-	-	-	-	805,227,131	1,307,583,149	2,112,810,280
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>752,050,000,000</b>	<b>748,636,364</b>	<b>(26,964,303)</b>	<b>10,382,620,000</b>	<b>6,860,164,848</b>	<b>14,561,656,543</b>	<b>209,450,970,624</b>	<b>994,027,084,076</b>







## 25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ	USD	396,169.40	3,880.30

### b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Huỳnh Bá Phụng	235,000,559	235,000,559
Ngô Đình Long	207,057,168	207,057,168
Phạm Quốc Liêm	443,241,898	443,241,898
Các đối tượng khác	1,127,113,538	1,056,930,538
	<b>2,012,413,163</b>	<b>1,942,230,163</b>

## 26. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	158,304,603,241	89,989,752,452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	668,087,955,490	157,577,758,950
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	95,394,497,312	-
Doanh thu khác	3,911,954,019	-
	<b>925,699,010,062</b>	<b>247,567,511,402</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	12,251,080,292	31,722,727

## 27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	141,688,791,339	87,095,767,014
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	456,688,221,798	138,283,030,924
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	65,426,103,464	-
Giá vốn hoạt động khác	1,823,687,338	-
	<b>665,626,803,939</b>	<b>225,378,797,938</b>



## 28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15,590,630,843	977,944,979
Lãi bán các khoản đầu tư	11,696,315,992	31,236,116,578
Cổ tức, lợi nhuận được chia	739,129,853	1,832,800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	150,530,230	663,619
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	377,500	1,219,536
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	778,577,003
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	468,529,938	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20,741,856	145,598,826
	<b>28,666,256,212</b>	<b>33,141,953,341</b>

## 29. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	42,086,395,082	11,374,381,458
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	697,908,727	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	35,937,969,926	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	39,534,352	8,503,470
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18,098,041	-
Lỗ do sáp nhập Công ty con trong năm	10,846,362,007	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	7,739,777,324	-
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư đã thanh lý	(33,214,214,394)	-
Chi phí tài chính khác	5,619,037	165,225,817
	<b>64,157,450,102</b>	<b>11,548,110,745</b>

## 30. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,438,600,450	24,215,375
Chi phí nhân công	21,787,958,730	4,844,491,077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477,662,700	142,427,985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,214,578,321	1,479,243,434
Chi phí khác bằng tiền	12,015,605,569	960,462,615
	<b>40,934,405,770</b>	<b>7,450,840,486</b>

## 31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5,850,811,758	1,340,502,821
Chi phí nhân công	62,439,436,238	13,278,186,120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,957,370,192	2,086,755,296
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	435,354,378	(4,726,000)
Thuế, phí, và lệ phí	568,831,700	868,503,788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,855,852,023	2,418,721,036
Chi phí khác bằng tiền	33,822,647,579	5,697,042,571
Lợi thế thương mại	6,466,456,600	1,888,594,980
	<b>126,396,760,468</b>	<b>27,573,580,612</b>

## 32. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	11,165,919,582	579,722,037
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	3,571,059,875	1,350,712,250
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	593,650,649	12,683,700,206
Tiền phạt, bồi thường thu được	726,852,363	305,241,277
Thu từ xử lý công nợ	1,641,133,715	1,650,000,000
Thu nhập từ tiền thưởng, hỗ trợ chi phí bán hàng được hưởng	-	1,180,133,987
Thu nhập khác	2,862,594,215	914,399,883
	<b>20,561,210,399</b>	<b>18,663,909,640</b>

## 33. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	267,139,227	-
Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ	2,539,463,741	12,558,393,747
Chi tiền làm từ thiện	15,000,000	300,000,000
Chi phí thiết kế dự án Khách sạn 3 sao Đồng Khởi không được thực hiện	-	1,240,909,100
Chi phí sửa chữa Ngọc Lan Đình chưa phân bổ hết giá trị vào chi phí	2,229,776,398	-
Phạt chấm dứt hợp đồng	4,840,909,082	-
Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy	-	273,749,390
Giá trị vỏ chai bị thất thoát tại Công ty Bến Tre	-	873,451,324
Chi phí trả lương hộ cho nhà cung cấp	-	659,472,420
Các khoản bị phạt thuế, phạt hành chính	982,167,195	484,268,421
Giá trị còn lại và chi phí từ chuyển nhượng bất động sản đầu tư	4,790,270,118	-
Chi phí khác	3,771,410,140	1,147,306,215
	<b>19,436,135,901</b>	<b>17,537,550,617</b>



### 34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	6,473,454,113	2,567,114,257
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	17,395,626,392	1,197,516,878
	<b>23,869,080,505</b>	<b>3,764,631,135</b>

### 35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải nộp thuế	1,446,181,602	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1,446,181,602</b>	<b>-</b>

#### b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2,179,199,398	23,962,054
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		

#### c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(754,948,478)	23,962,054
	<b>(754,948,478)</b>	<b>23,962,054</b>

### 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23,905,237,784	5,857,551,498
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23,905,237,784	5,857,551,498
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	59,653,750	13,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>401</b>	<b>451</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

### 37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135,561,784,960	16,157,447,763
Chi phí nhân công	173,337,083,479	28,907,615,975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54,997,041,485	8,960,135,002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213,559,901,692	102,570,763,819
Chi phí khác bằng tiền	114,643,586,774	16,711,489,463
	<b>692,099,398,390</b>	<b>173,307,452,022</b>

### 38. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50,805,715,079	-	8,342,084,429	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	84,980,772,966	(1,206,191,865)	85,796,914,508	(218,818,542)
Các khoản cho vay	357,156,500,000	-	4,900,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	13,923,725,737	(1,008,920,250)	50,626,000,000	-
	<b>517,473,162,873</b>	<b>(2,215,112,115)</b>	<b>149,687,908,937</b>	<b>(218,818,542)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	438,599,592,163	136,308,302,579
Phải trả người bán, phải trả khác	92,263,634,569	66,576,833,762
Chi phí phải trả	3,863,815,588	997,894,719
	<b>534,727,042,320</b>	<b>203,883,031,060</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá: Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.



### 38. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	12,914,805,487	-	-	12,914,805,487
	<b>12,914,805,487</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12,914,805,487</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	50,626,000,000	-	-	50,626,000,000
	<b>50,626,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50,626,000,000</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50,805,715,079	-	-	50,805,715,079
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73,106,912,215	10,667,668,886	-	83,774,581,101
Các khoản cho vay	304,306,500,000	52,850,000,000	-	357,156,500,000
	<b>428,219,127,294</b>	<b>63,517,668,886</b>	<b>-</b>	
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,342,084,429	-	-	8,342,084,429
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81,199,692,680	4,378,403,286	-	85,578,095,966
Các khoản cho vay	4,900,000,000	-	-	4,900,000,000
	<b>94,441,777,109</b>	<b>4,378,403,286</b>	<b>-</b>	<b>98,820,180,395</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	150,898,728,180	287,700,863,983	-	438,599,592,163
Phải trả người bán, phải trả khác	87,963,638,438	4,299,996,131	-	92,263,634,569
Chi phí phải trả	2,795,808,868	1,068,006,720	-	3,863,815,588
	<b>241,658,175,486</b>	<b>293,068,866,834</b>	<b>-</b>	<b>534,727,042,320</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	51,961,360,068	84,346,942,511	-	136,308,302,579
Phải trả người bán, phải trả khác	65,646,163,762	930,670,000	-	66,576,833,762
Chi phí phải trả	997,894,719	-	-	997,894,719
	<b>118,605,418,549</b>	<b>85,277,612,511</b>	<b>-</b>	<b>203,883,031,060</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 39. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	341,978,217,473	104,474,634,614
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	360,648,132,639	130,597,421,515

### 40. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2017, Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Hoạt động sáp nhập dự kiến sẽ diễn ra vào Quý II/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 41. Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

### 42. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17)



Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>12,251,080,292</b>	<b>31,722,727</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	12,251,080,292	31,722,727

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>1,253,213,304</b>	<b>311,473,466</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	1,253,213,304	311,473,466
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>		<b>285,800,000,000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	285,800,000,000	-
<b>Phải thu cho vay dài hạn</b>		<b>52,850,000,000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	52,850,000,000	-
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>8,338,191,063</b>	<b>1,170,960,622</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	8,338,191,063	1,170,960,622
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		-	<b>3,194,444</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	-	3,194,444

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1,149,853,223	801,570,014

### 43. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



**HOÀNG THỊ MỸ TRANG**

Kế toán trưởng



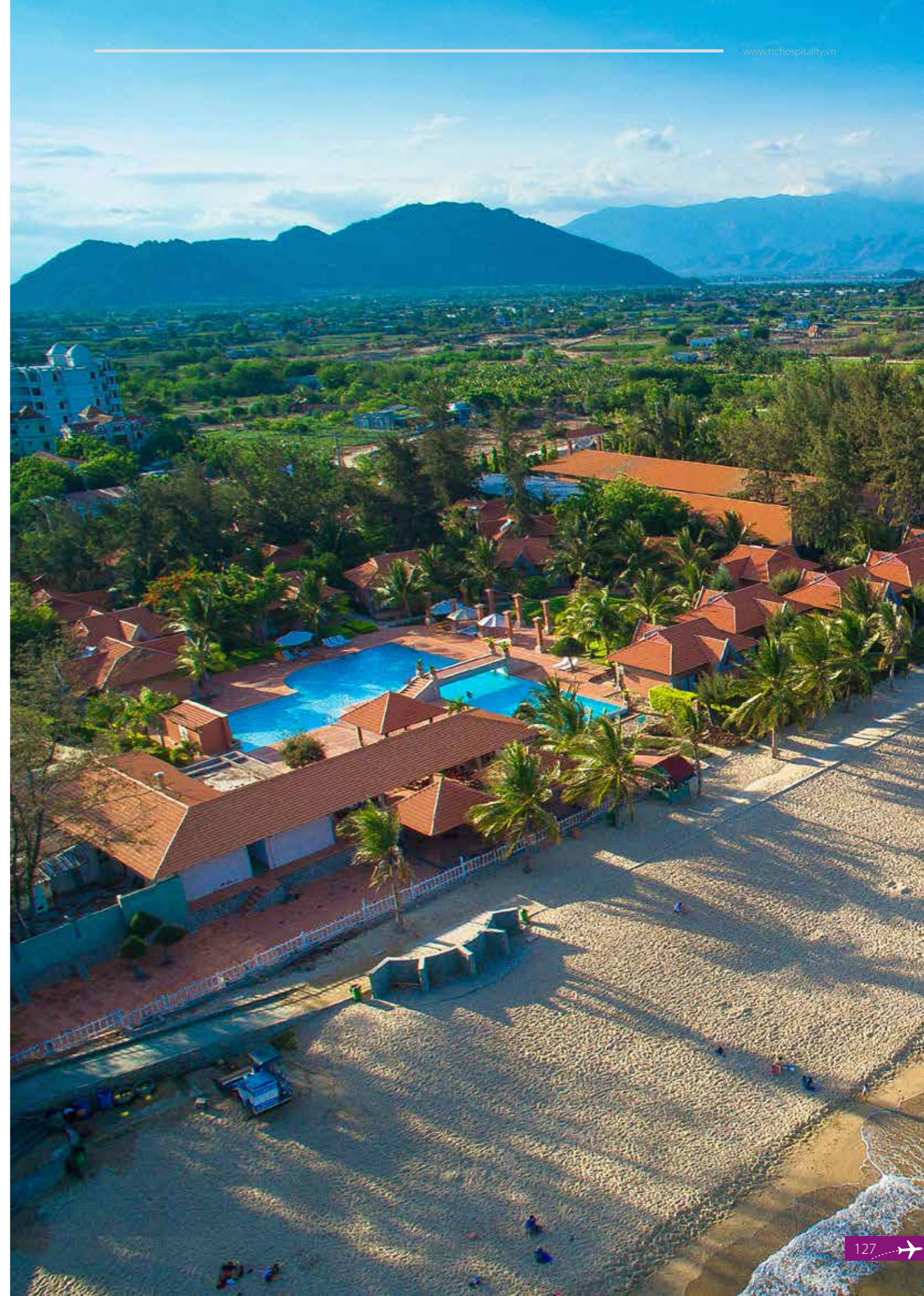
**BÙI TẤN KHẢI**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



**PHAN THỊ HỒNG VÂN**





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 (đã được kiểm toán)*

### NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

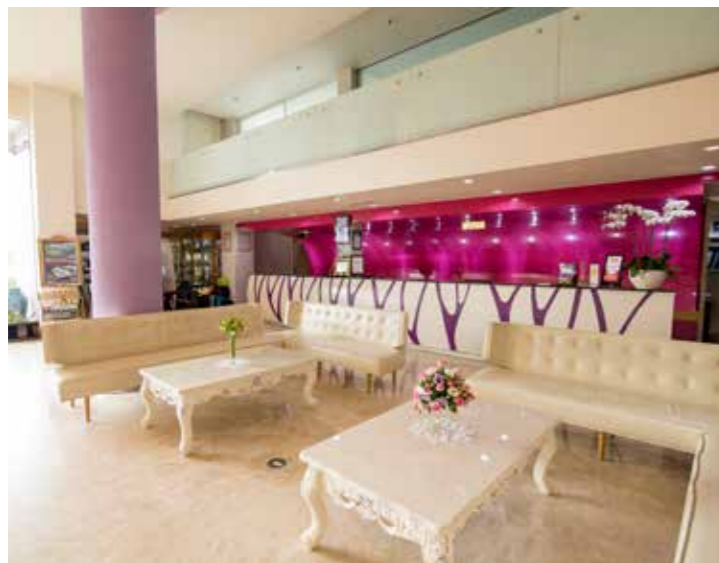
Bảng cân đối kế toán riêng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng





## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: **Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông	<b>Nguyễn Thế Vinh</b>	Chủ tịch	(Bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/05/2017)
Bà	<b>Tsan Quay Liang</b>	Chủ tịch	(Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/05/2017, Miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 04/07/2017) (Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)
Bà	<b>Nguyễn Thị Hương Giang</b>	Phó Chủ tịch	
Bà	<b>Nguyễn Thái Hà</b>	Phó Chủ tịch	
Ông	<b>Trần Mến</b>	Thành viên	
Bà	<b>Phan Thị Hồng Vân</b>	Thành viên	
Ông	<b>Nguyễn Cường Dũng</b>	Thành viên	



**Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm**

Bà	<b>Phan Thị Hồng Vân</b>	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm Thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/05/2017)
Ông	<b>Lê Thanh Huỳnh Cang</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/08/2017)
Ông	<b>Phan Minh Trí</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/03/2017)
Bà	<b>Hồ Nguyễn Duy Khương</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/04/2017)
Bà	<b>Nguyễn Thị Hương Giang</b>	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10/02/2017)
Bà	<b>Nguyễn Thị Huệ Trinh</b>	Giám đốc Tài chính	

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông	<b>Hoàng Mạnh Tiến</b>	Trưởng ban	
Ông	<b>Hoàng Ngọc Hiệu</b>	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/07/2017)
Bà	<b>Nguyễn Trần Hằng Phương</b>	Thành viên	
Ông	<b>Nguyễn Công Khanh</b>	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/07/2017)
Bà	<b>Phạm Thị Thanh Mai</b>	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 04/07/2017)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

**Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:**

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty





# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 27 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lân  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1427-2018-002-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	31/12/2017	01/01/2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>99,111,839,259</b>	<b>101,423,700,641</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>7,973,596,798</b>	<b>5,718,660,357</b>
111	1. Tiền		7,973,596,798	5,718,660,357
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>12,914,783,972</b>	<b>50,626,000,000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13,923,704,222	50,626,000,000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1,008,920,250)	
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>75,413,274,664</b>	<b>40,156,891,496</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	56,505,699,111	5,490,741,868
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2,680,124,075	5,209,751,347
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	16,277,171,413	29,507,821,788
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(68,479,428)	(70,183,000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		18,759,493	18,759,493
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>09</b>	<b>981,123,750</b>	<b>1,041,694,042</b>
141	1. Hàng tồn kho		981,123,750	1,041,694,042
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1,829,060,075</b>	<b>3,880,454,746</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1,177,285,675	522,938,226
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		627,769,043	3,357,516,520
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	24,005,357	
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>888,308,874,547</b>	<b>230,706,846,903</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>35,000,000</b>	<b>4,312,576,800</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	35,000,000	4,312,576,800
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>142,737,450,270</b>	<b>134,357,182,270</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	110,433,845,936	100,853,184,847
222	- Nguyên giá		159,381,185,397	(42,530,250,815)
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48,947,339,461)	33,503,997,423
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	32,303,604,334	33,503,997,423
228	- Nguyên giá		39,533,433,085	39,533,433,085
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7,229,828,751)	(6,029,435,662)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>739,921,410,547</b>	<b>88,125,885,696</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		716,717,455,932	65,492,742,262
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24,772,623,054	24,772,623,054
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1,568,668,439)	(2,139,479,620)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5,615,013,730</b>	<b>3,911,202,137</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5,615,013,730	3,911,202,137



<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		987,420,713,806	332,130,547,544
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>214,179,438,176</b>	<b>187,080,565,722</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>127,045,087,573</b>	<b>133,431,944,309</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	50,581,907,413	13,336,323,209
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2,280,033,904	28,115,119,113
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6,036,632,249	2,824,429,870
314	4. Phải trả người lao động		3,853,435,497	2,114,840
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1,371,069,905	119,242,931
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1,496,286,786	384,063,638
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	31,125,129,619	40,986,852,398
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	30,300,592,200	47,663,798,310
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>87,134,350,603</b>	<b>53,648,621,413</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	917,770,000	917,770,000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	86,216,580,603	52,730,851,413
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>773,241,275,630</b>	<b>145,049,981,822</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>773,241,275,630</b>	<b>145,049,981,822</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		752,050,000,000	130,000,000,000
411a	2. Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		752,050,000,000	130,000,000,000
412	3. Thặng dư vốn cổ phần		748,636,364	910,000,000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6,719,655,738	6,719,655,738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13,722,983,528	7,420,326,084
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7,420,326,084	(184,899,106)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6,302,657,444	7,605,225,190
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>987,420,713,806</b>	<b>332,130,547,544</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HOÀNG THỊ MỸ TRANG

BÙI TẤN KHẢI

PHAN THỊ HỒNG VÂN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

Mã	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2017 (VND)	NĂM 2016 (VND)
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	22	<b>339,283,804,609</b>	<b>121,713,175,191</b>
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>			
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>339,283,804,609</b>	<b>121,713,175,191</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>23</b>	<b>282,819,303,907</b>	<b>103,086,624,553</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>56,464,500,702</b>	<b>18,626,550,638</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	20,880,464,379	20,641,244,395
22	7. Chi phí tài chính	25	11,236,777,198	5,156,768,599
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10,761,382,648	7,643,181,958
25	8. Chi phí bán hàng	26	18,171,069,285	6,699,778,191
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	30,450,745,250	18,441,078,770
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		<b>17,486,373,348</b>	<b>8,970,169,473</b>
31	11. Thu nhập khác	28	771,882,831	7,513,899,119
32	12. Chi phí khác	29	5,482,144,622	6,311,729,145
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		(4,710,261,791)	1,202,169,974
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>12,776,111,557</b>	<b>10,172,339,447</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	6,473,454,113	2,567,114,257
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>6,302,657,444</b>	<b>7,605,225,190</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HOÀNG THỊ MỸ TRANG

BÙI TẤN KHẢI

PHAN THỊ HỒNG VÂN



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

NĂM 2017 - Theo phương pháp gián tiếp

Mã	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2017 (VND)	NĂM 2016 (VND)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>12,776,111,557</b>	<b>10,172,339,447</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>(2,267,218,339)</b>	<b>(10,154,229,041)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7,691,259,653	5,618,819,186
03	- Các khoản dự phòng		436,405,497	(2,549,901,969)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18,098,041	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21,174,364,178)	(21,174,364,178)
06	- Chi phí lãi vay		10,761,382,648	7,643,181,958
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>10,508,893,218</b>	<b>844,492,314</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(42,363,540,676)	7,363,903,657
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		60,570,292	(184,664,027)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10,033,574,404	35,675,034,865
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2,358,159,042)	(2,878,612,046)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		36,702,295,778	
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10,870,460,084)	(7,911,159,246)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5,421,601,707)	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(161,363,636)	(264,117,371)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3,869,791,453)</b>	<b>(3,869,791,453)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16,265,829,494)	(37,725,353,936)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		502,320,145	286,363,636
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(651,224,713,670)	(6,384,798,772)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29,151,008,744	20,500,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5,807,517,130	822,901,005
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(632,029,697,145)</b>	<b>(22,500,888,067)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		622,050,000,000	
33	2. Tiền thu từ đi vay		190,802,490,530	90,662,656,039
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(174,679,967,450)	(97,048,759,758)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>638,172,523,080</b>	<b>(6,386,103,719)</b>

Mã	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2017 (VND)	NĂM 2016 (VND)
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		2,273,034,482	3,757,886,360
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		6,545,042,265	2,787,155,905
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18,098,041)	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	03	8,799,978,706	6,545,042,265

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MỸ TRANG

Kế toán trưởng

BÙI TẤN KHẢI

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ HỒNG VÂN



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

## 1. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

### HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Trụ sở chính của Công ty tại

Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);

- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia); - Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; - Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; - Tổ chức tour du lịch lữ hành; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa;

Vốn điều lệ của Công ty

**752.050.000.000** đồng

Tương đương

**75.205.000** cổ phần

Mệnh giá một cổ phần

**10.000** đồng



- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở); - Cho thuê mặt bằng, kho bãi; Tổ chức sự kiện;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư; - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà;

Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ); - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công

ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của TTC Tourist trên thị trường du lịch.

Công ty triển khai tổ chức kinh doanh theo mô hình bán hàng tập trung (Sales Center). Theo đó, Công ty con như Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi, Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình... thực hiện xuất hóa đơn bán hàng qua Công ty mẹ để tập trung phát triển thương hiệu du lịch TTC Tourist. Việc triển khai theo mô hình này đã làm doanh thu, giá vốn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác về thu hộ, chi hộ, các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước của Công ty tăng đột biến trong năm 2017.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành mua và chuyển nhượng lại cổ phần của các doanh nghiệp thuộc sở hữu của các Công ty con để thực hiện tái cấu trúc mô hình hoạt động. Lợi nhuận từ hoạt động mua và chuyển nhượng lại cổ phần nêu trên ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 là: 7.296.375.000 VND. Bên cạnh đó, Công ty còn kinh doanh các loại chứng khoán khác, lợi nhuận đạt được từ các khoản kinh doanh này là 3.658.453.744 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản ngắn hạn nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 28 tỷ đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá về luồng tiền tăng trưởng trong thời gian tới cũng như khả năng gia hạn nợ với các bên liên quan và tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.



**CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

TÊN CÔNG TY	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh CTCP Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ	Số 02, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài.
Chi nhánh CTCP Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng	Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, P.1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh CTCP Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam	87 đường Cửa Đại, TP.Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh CTCP Du lịch thành Thành Công tại Bình Thuận – Trung tâm lữ hành	Bình Thuận	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh CTCP Du lịch thành Thành Công tại Bến Tre – Trung tâm lữ hành	Bến Tre	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh CTCP Du lịch thành Thành Công tại Tiền Giang – Trung tâm lữ hành	Tiền Giang	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh CTCP Du lịch thành Thành Công – Trung tâm lữ hành	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh lữ hành

**Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty:** xem chi tiết tại *Thuyết minh số 04.*



**2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty**

**KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**Giá trị sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Chứng khoán kinh doanh được ghi

nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

**CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được



trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**HÀNG TỐN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	08 - 50 năm
<b>Máy móc, thiết bị</b>	03 - 08 năm
<b>Phương tiện vận tải</b>	08 năm
<b>Thiết bị văn phòng</b>	03 - 10 năm
<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	06 - 10 năm
<b>Quyền sử dụng đất</b>	39 - 50 năm
<b>Phần mềm máy tính</b>	03 năm
<b>Tài sản cố định vô hình khác</b>	03 năm

**CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**CÁC KHOẢN VAY**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê phòng nghỉ, khách sạn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt

quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**DOANH THU**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**GHI NHẬN CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển

nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	495,576,740	114,632,919
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7,443,416,249	5,347,520,335
Tiền đang chuyển	34,603,809	256,507,103
	<b>7,973,596,798</b>	<b>5,718,660,357</b>

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>13,923,704,222</b>	<b>(1,008,920,250)</b>	<b>50,626,000,000</b>	-
Công ty Cổ phần Golf 1			50,626,000,000	
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa [*]			-	
	<b>13,923,704,222</b>	<b>(1,008,920,250)</b>	<b>50,626,000,000</b>	

#### b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>				
Công ty Cổ phần Golf 1	-	-	50,626,000,000	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa [*]	13,923,704,222	(1,008,920,250)	-	-
Cổ phiếu khác	21,515	-	-	-
	<b>13,923,725,737</b>	<b>(1,008,920,250)</b>	<b>50,626,000,000</b>	-

[\*] Trong năm, Công ty đã mua 608.700 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (Mã cổ phiếu BHS), tương ứng giá trị 13,9 tỷ đồng với mục đích làm chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm tháng 9/2017, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã hoàn thành sáp nhập với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (Mã cổ phiếu SBT) theo tỷ lệ hoán đổi 1:1,02. Theo đó, 608.700 cổ phiếu BHS đã được hoán đổi thành 620.874 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty. Đến thời điểm tháng 11/2017, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã hoàn thành thủ tục đổi tên thành Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ theo giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2017. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31/12/2017 là: 12.914.783.972 VND.

#### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	716,717,455,932	-	65,492,742,262	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre (*)	13,081,152,262	-	13,081,152,262	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*)	77,168,581,670	-	52,411,590,000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (*)	268,800,283,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình (*)	280,247,484,000	-	-	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận [*]	77,419,955,000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24,772,623,054</b>	<b>(1,568,668,439)</b>	<b>(2,139,479,620)</b>	
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	24,772,623,054	(1,568,668,439)	24,772,623,054	(2,139,479,620)
	<b>741,490,078,986</b>	<b>(1,568,668,439)</b>	<b>(2,139,479,620)</b>	

- (\*) Thực hiện Nghị quyết số 13/2017/NQ - HĐQT về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực, Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phiếu của các công ty này và nắm giữ quyền kiểm soát từ tháng 4/2017. Cụ thể:
- 1.545.569 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre được mua thêm với giá 20.756.991.670 VND, giá trị theo mệnh giá: 15.455.690.000 VND. Đến thời điểm đầu quý 3/2017, Công ty tiếp tục mua thêm 400.000 cổ phiếu với tổng số tiền đầu tư thêm là 4.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã sở hữu 4.441.359/5.259.348 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre, tương đương tổng giá trị đầu tư là: 77.168.581.670 đồng.
- 20.765.242 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng được mua với giá 238.800.283.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 207.652.420.000 VND. Đến ngày 31/07/2017, Công ty tiếp tục được chia cổ tức bằng cổ phiếu, số lượng tăng thêm là 1.038.262 cổ phiếu. Đến thời điểm 01/09/2017, Công ty tiếp tục mua thêm 3.000.000 cổ phiếu với tổng số tiền đầu tư thêm là 30.000.000.000 VND. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Công ty đã sở hữu 24.803.504/34.443.466 cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, tương đương tổng giá trị đầu tư là: 268.800.283.000 đồng.
- 23.353.957 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi được mua với giá 280.247.484.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 233.539.570.000 VND;
- 6.732.710 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình được mua thêm với giá 77.419.955.000 VND, giá trị theo mệnh giá: 67.327.100.000 VND;
- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100.00%	100.00%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	84.45%	84.45%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	72.01%	72.01%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	TP Hồ Chí Minh	74.80%	74.80%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	TP. Nha Trang	82.32%	82.32%	Dịch vụ Khách sạn

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	Vương quốc Campuchia	49.00%	49.00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	58,124,642	304,972,603
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1,408,483,216	306,805,466
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	24,291,649,017	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	8,311,415,107	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	4,043,301,000	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Anex Việt Nam	2,878,347,750	-
Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel)	26,437,000	341,290,000
Các khoản phải thu khách hàng khác	15,487,941,379	4,537,673,799
	<b>56,505,699,111</b>	<b>5,490,741,868</b>

**6. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	1,988,344,626	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ D.PN	-	-	761,574,000	-
Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP	1,107,754,789	-	655,076,100	-
Công ty TNHH PNR	294,255,635	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet	108,238,260	-	198,577,800	-
Các khoản trả trước người bán khác	1,169,875,391	-	1,606,178,821	-
	<b>2,680,124,075</b>	<b>-</b>	<b>5,209,751,347</b>	<b>-</b>

**7. Phải thu về cho vay**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)	5,354,592,230	-	5,354,592,230	-
Ký cược, ký quỹ	1,520,060,546	-	-	-
Phải thu người lao động tiền tạm ứng	1,069,529,581	-	285,576,243	(70,183,000)
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH Chè Ngọc Bảo	-	-	18,196,180,000	-
Phải thu Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi tiền hợp tác kinh doanh	-	-	3,223,596,551	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	4,104,000,000	-	-	-
Phải thu khác	4,228,989,056	-	2,447,876,764	-
	<b>16,277,171,413</b>	<b>-</b>	<b>29,507,821,788</b>	<b>(70,183,000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	35,000,000	-	4,312,576,800	-
	<b>35,000,000</b>	<b>-</b>	<b>4,312,576,800</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản phải thu về số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.



## 8. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	68,479,428	-	70,183,000	-
	<b>68,479,428</b>	<b>-</b>	<b>70,183,000</b>	<b>-</b>

## 9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	745,520,880	-	183,627,231	-
Công cụ, dụng cụ	146,892,608	-	858,066,811	-
Hàng hóa	88,710,262	-		
	<b>981,123,750</b>	<b>-</b>	<b>1,041,694,042</b>	<b>-</b>





## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND		VND	VND		VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>126,771,274,057</b>	<b>7,727,561,264</b>	<b>6,163,980,517</b>	<b>2,016,690,364</b>	<b>703,929,460</b>	<b>143,383,435,662</b>
- Mua trong năm		2,628,585,380	2,537,450,000	245,498,700		5,411,534,080
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10,854,295,414					10,854,295,414
- Thanh lý, nhượng bán	(78,158,718)		(159,761,896)	(30,159,145)		(268,079,759)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>137,547,410,753</b>	<b>10,356,146,644</b>	<b>8,541,668,621</b>	<b>2,232,029,919</b>	<b>703,929,460</b>	<b>159,381,185,397</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						(4,552,746,881)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36,199,704,931</b>	<b>2,739,399,330</b>	<b>1,778,915,914</b>	<b>1,506,920,328</b>	<b>305,310,312</b>	<b>42,530,250,815</b>
- Khấu hao trong năm	<b>4,314,904,726</b>	1,182,598,945	776,104,733	188,001,212	29,256,948	6,490,866,564
- Thanh lý, nhượng bán	<b>(14,329,095)</b>		(29,289,678)	(30,159,145)		(73,777,918)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>40,500,280,562</b>	<b>3,921,998,275</b>	<b>2,525,730,969</b>	<b>1,664,762,395</b>	<b>334,567,260</b>	<b>48,947,339,461</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	90,571,569,126	4,988,161,934	4,385,064,603	509,770,036	398,619,148	100,853,184,847
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>97,047,130,191</b>	<b>6,434,148,369</b>	<b>6,015,937,652</b>	<b>567,267,524</b>	<b>369,362,200</b>	<b>110,433,845,936</b>
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			7,242,974,844			

## 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	38,892,426,817	296,000,000	345,006,268	39,533,433,085
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>38,892,426,817</b>	<b>296,000,000</b>	<b>345,006,268</b>	<b>39,533,433,085</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	5,972,601,803	28,083,338	28,750,521	6,029,435,662
- Khấu hao trong năm	995,057,676	90,333,329	115,002,084	1,200,393,089
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6,967,659,479</b>	<b>118,416,667</b>	<b>143,752,605</b>	<b>7,229,828,751</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	32,919,825,014	267,916,662	316,255,747	33,503,997,423
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>31,924,767,338</b>	<b>177,583,333</b>	<b>201,253,663</b>	<b>32,303,604,334</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 31924767338.0 VND.

## 12. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	872,849,272	175,757,798
Chi phí sửa chữa, bảo trì	4,288,575	62,148,483
Chi phí phần mềm máy tính	15,290,689	8,333,334
Các khoản khác	284,857,139	276,698,611
	<b>1,177,285,675</b>	<b>522,938,226</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5,006,831,416	1,598,367,199
Chi phí thuê đất	-	239,999,616
Chi phí phần mềm máy tính	25,100,837	27,583,328
Chi phí làm phim quảng cáo	295,050,503	448,989,899
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	249,069,419	1,596,262,095
Các khoản khác	38,961,555	-
	<b>5,615,013,730</b>	<b>3,911,202,137</b>
Các khoản khác	6,204,077,537	142,897,373
	<b>83,792,537,851</b>	<b>11,610,889,880</b>



### 13. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017		TRONG NĂM		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>37,774,611,966</b>	<b>37,774,611,966</b>	<b>82,685,703,692</b>	<b>24,671,864,804</b>	<b>24,671,864,804</b>	<b>95,078,011,789</b>
NH TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	450,000,000	450,000,000		450,000,000		
NH TMCP Phát triển nhà TP HCM - Chi nhánh Nguyễn Trãi	500,000,000	500,000,000		500,000,000		
NH TMCP Phương Đông Chi nhánh Đắk Lắk	19,932,611,966	19,932,611,966	13,321,864,804	19,932,611,966	13,321,864,804	13,321,864,804
Công ty CPĐT Thành Thành Công	2,500,000,000	2,500,000,000		2,500,000,000		
Công ty CPDL Thăng Lợi	12,542,000,000	12,542,000,000		12,542,000,000		
Công ty CPDL Thành Thành Công Lâm Đồng			19,000,000,000	19,000,000,000		
Công ty CPDL Bến Tre	1,850,000,000	1,850,000,000	8,500,000,000	1,000,000,000	9,350,000,000	9,350,000,000
Công ty CPDL núi Tà Cú			2,000,000,000		2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng			26,761,091,726	26,761,091,726		
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>9,889,186,344</b>	<b>9,889,186,344</b>	<b>5,628,727,396</b>	<b>9,889,186,344</b>	<b>5,628,727,396</b>	<b>5,628,727,396</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	198,000,000	198,000,000	539,676,996	198,000,000	539,676,996	539,676,996
Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Đắk Lắk	9,691,186,344	9,691,186,344	5,089,050,400	9,691,186,344	5,089,050,400	5,089,050,400
	<b>47,663,798,310</b>	<b>47,663,798,310</b>	<b>75,211,683,926</b>	<b>92,574,890,036</b>	<b>30,300,592,200</b>	<b>30,300,592,200</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>37,774,611,966</b>	<b>37,774,611,966</b>	<b>82,685,703,692</b>	<b>24,671,864,804</b>	<b>24,671,864,804</b>	<b>95,078,011,789</b>
Vay dài hạn	<b>62,620,037,757</b>	62,620,037,757	121,219,534,000	91,994,263,758	91,845,307,999	91,845,307,999
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	990,000,000	990,000,000	1,708,385,000	198,000,000	2,500,385,000	2,500,385,000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	61,630,037,757	61,630,037,757	8,381,029,000	32,081,203,758	37,929,862,999	37,929,862,999
Công ty CPĐT Thành Thành Công			44,800,000,000	25,800,000,000	19,000,000,000	19,000,000,000
Công ty CPDL Thành Thành Công Lâm Đồng			31,315,060,000	12,000,000,000	19,315,060,000	19,315,060,000
Công ty CPDL Bến Tre			8,200,000,000	600,000,000	7,600,000,000	7,600,000,000
Công ty TNHH MTV Địa Ốc Dũng Anh			21,315,060,000	21,315,060,000		
Công ty CP Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng			5,500,000,000		5,500,000,000	5,500,000,000
	<b>62,620,037,757</b>	<b>62,620,037,757</b>	<b>121,219,534,000</b>	<b>91,994,263,758</b>	<b>91,845,307,999</b>	<b>91,845,307,999</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9,889,186,344)	(9,889,186,344)	(5,628,727,396)	(9,889,186,344)	(5,628,727,396)	(5,628,727,396)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>52,730,851,413</b>	<b>52,730,851,413</b>			<b>86,216,580,603</b>	<b>86,216,580,603</b>

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
				VND	VND
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:</b>					
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:					
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	VND	9.0%	Tín chấp	-	450,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	11.5%	Tín chấp	-	2,500,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	VND	9.3%	Tín chấp	-	12,542,000,000
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre	VND	9.0%	Tín chấp	9,350,000,000	1,850,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	VND	8.5%	Tín chấp	2,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM - Chi nhánh Nguyễn Trãi	VND	Điều chỉnh	Tín chấp	-	500,000,000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [1]	VND	Điều chỉnh	Tài sản	13,321,864,804	19,932,611,966
				<b>24,671,864,804</b>	<b>37,774,611,966</b>
				VND	VND
<b>Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:</b>					
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	Tín chấp	2019	19,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	VND	Tín chấp	2019	19,315,060,000	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre	VND	Tín chấp	2019	7,600,000,000	-
Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	VND	Tín chấp	2019	5,500,000,000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk [1]	VND	Tài sản	2026	37,929,862,999	61,630,037,757
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh [2]	VND	Tài sản	2022	2,500,385,000	990,000,000
				<b>91,845,307,999</b>	<b>62,620,037,757</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(5,628,727,396)	(9,889,186,344)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>				<b>86,216,580,603</b>	<b>52,730,851,413</b>

1] Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty cổ phần mía đường Thành Thành Công Tây Ninh phát hành, tỷ lệ đảm bảo 60%;

[2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Mercedes-Benz biển kiểm soát 51G-530.80 và

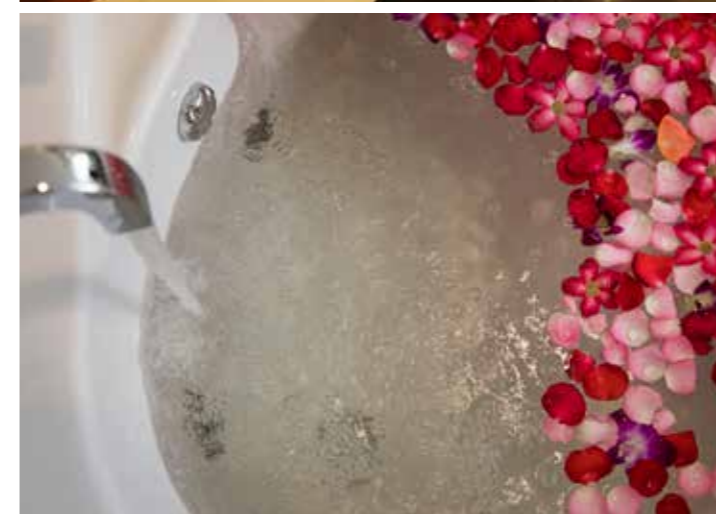


## 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc xây dựng Toàn Thịnh Phát	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	1,013,913,500	1,013,913,500	697,993,000	697,993,000
Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi	35,396,289,244	35,396,289,244	5,785,576,223	5,785,576,223
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2,554,092,574	2,554,092,574	793,373,742	793,373,742
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Đặng Gia	-	-	656,039,317	656,039,317
Công ty cổ phần Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	772,069,000	772,069,000
Phải trả các đối tượng khác	9,988,140,494	9,988,140,494	3,001,800,326	3,001,800,326
	<b>50,581,907,413</b>	<b>50,581,907,413</b>	<b>13,336,323,209</b>	
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty cổ phần Đầu tư Kiến trúc xây dựng Toàn Thịnh Phát	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601	1,629,471,601
	<b>1,629,471,601</b>	<b>1,629,471,601</b>	<b>1,629,471,601</b>	<b>1,629,471,601</b>

## 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND
Viên Diệu Hoa	-	-	26,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công	133,877,230	-	-	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	2,146,156,674	-	2,115,119,113	-
	<b>2,280,033,904</b>		<b>28,115,119,113</b>	



## 20. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Tăng do mua Công ty con trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	130,497,526	12,414,597,989	10,767,491,214	24,005,357	502,411,654	1,801,609,658
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	45,606,061	1,042,128,536	1,044,046,113	-	5,100,592	43,688,484
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2,409,885,600	6,708,365,393	5,421,601,707	-	3,659,336,914	3,696,649,286
- Thuế thu nhập cá nhân	-	238,440,683	1,021,722,712	765,478,574	-	-	494,684,821
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	139,401,600	139,401,600	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	42,803,562	42,803,562	-	3,095,737	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	260,900,000	260,900,000	-	-	-
	-	<b>2,824,429,870</b>	<b>21,629,919,792</b>	<b>18,441,722,770</b>	<b>24,005,357</b>	<b>4,169,944,897</b>	<b>6,036,632,249</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	-	109,077,436
Trích trước chi phí tư vấn	782,849,294	-
Trích trước chi phí hoa hồng	337,000,000	-
Chi phí phải trả khác	251,220,611	10,165,495
	<b>1,371,069,905</b>	<b>119,242,931</b>

## 18. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	9,194,660	9,194,660
Kinh phí công đoàn	335,347,861	148,679,679
Bảo hiểm y tế	40,961,820	-
Bảo hiểm thất nghiệp	18,060,750	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2,770,000,000	34,112,598
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,132,524,541	8,132,524,541
Các khoản phải trả phải nộp khác	19,819,039,987	32,662,340,920
<i>Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt tiền chi hộ</i>	<i>229,020,412</i>	<i>5,654,020,412</i>
<i>Phải trả Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt giá trị còn lại tài sản bàn giao từ công ty con 100% vốn cho công ty mẹ</i>	<i>11,690,384,304</i>	<i>11,690,384,304</i>
<i>Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ</i>	<i>2,574,765,774</i>	<i>4,671,130,250</i>
<i>Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng</i>	<i>-</i>	<i>6,900,280,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Du Lịch Thăng Lợi</i>	<i>20,130,000</i>	<i>1,152,560,537</i>
<i>Khách lẻ mua vé máy bay</i>	<i>1,138,727,943</i>	<i>740,723,278</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>4,166,011,554</i>	<i>1,853,242,139</i>
	<b>31,125,129,619</b>	<b>40,986,852,398</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	917,770,000	917,770,000
	<b>917,770,000</b>	<b>917,770,000</b>



## 19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Doanh thu nhận trước hoạt động tour	-	92,963,638
Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn	1,496,286,786	291,100,000
	<b>1,496,286,786</b>	<b>384,063,638</b>

## 20. Vốn chủ sở hữu

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>130,000,000,000</b>		<b>6,719,655,738</b>	<b>(184,899,106)</b>	
Lãi trong năm trước	-	-	-	7,605,225,190	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>130,000,000,000</b>		<b>6,719,655,738</b>	<b>7,420,326,084</b>	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>130,000,000,000</b>		<b>6,719,655,738</b>	<b>7,420,326,084</b>	
Tăng vốn trong năm nay [*]	622,050,000,000	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	6,302,657,444	
Chi phí phát hành tăng vốn	-	-	-	- (161,363,636)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>752,050,000,000</b>		<b>6,719,655,738</b>		

[\*] Thực hiện Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐQT ngày 20/07/2016, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Nguồn vốn bổ sung đã được sử dụng để Công ty đầu tư vào các Công ty có tiềm năng phát triển cùng ngành du lịch để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng quy mô và mở rộng thương hiệu của Công ty trên thị trường du lịch. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn: 62.205.000 cổ phiếu, tương ứng 622.050.000.000 đồng vốn điều lệ;
- Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:4,785;
- Ngày đăng ký giao dịch thành công: 03/04/2017.

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND		VND	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>	<b>244,274,250,000</b>	<b>32.48%</b>	<b>51,051,000,000</b>	<b>39.27%</b>
Ông Huỳnh Văn Thành	37,095,570,000	4.93%	-	0.00%
Ông Tiến Vĩ Diệp	28,030,400,000	3.73%	-	0.00%
Cổ đông khác	442,649,780,000	58.86%	78,949,000,000	60.73%
	<b>752,050,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>130,000,000,000</b>	<b>100%</b>

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	130,000,000,000	130,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	622,050,000,000	-
Vốn góp cuối năm	752,050,000,000	130,000,000,000

### d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13,000,000</b>	<b>13,000,000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>75,205,000</b>	<b>13,000,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	75,205,000	13,000,000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>75,205,000</b>	<b>13,000,000</b>
Cổ phiếu phổ thông	75,205,000	13,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10,000	10,000

### e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	6,719,655,738	6,719,655,738
Thặng dư vốn cổ phần	748,636,364	910,000,000
	<b>7,468,292,102</b>	<b>7,629,655,738</b>

## 21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

### a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ	USD	11,145.8	1,200.00

### b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Huỳnh Bá Phụng	235,000,559	235,000,559
Ngô Đình Long	207,057,168	207,057,168
Nhà Máy Điện Hậu Giang	89,430,165	89,430,165
Trần Ngọc Nam	86,575,232	86,575,232
Các đối tượng khác	718,708,212	648,525,212
	<b>1,336,771,336</b>	<b>1,266,588,336</b>

## 22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	484,390,500	663,218,698
Doanh thu cung cấp dịch vụ	307,254,395,927	121,049,956,493
Doanh thu kinh doanh bất động sản	31,545,018,182	-
	<b>339,283,804,609</b>	<b>121,713,175,191</b>

## 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	484,038,500	471,229,642
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	231,709,265,407	102,615,394,911
Giá vốn kinh doanh bất động sản	50,626,000,000	-
	<b>282,819,303,907</b>	<b>103,086,624,553</b>

## 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	347,517,130	44,324,002
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9,564,000,000	-
Lãi bán các khoản đầu tư	10,954,828,744	19,795,900,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13,924,185	255,798
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	778,577,003
Doanh thu hoạt động tài chính khác	194,320	22,187,592
	<b>20,880,464,379</b>	<b>20,641,244,395</b>

## 25. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	10,761,382,648	7,643,181,958
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19,187,440	8,421,731
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	18,098,041	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	438,109,069	119,810,270
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư đã thanh lý	-	(2,669,712,239)
Chi phí tài chính khác	-	55,066,879
	<b>11,236,777,198</b>	<b>5,156,768,599</b>

## 26. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174,976,587	18,684,437
Chi phí nhân công	12,450,877,746	4,311,966,236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205,289,899	45,269,871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,413,503,268	1,419,159,128
Chi phí khác bằng tiền	1,926,421,785	904,698,519
	<b>18,171,069,285</b>	<b>6,699,778,191</b>

## 27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	527,342,608	1,247,448,823
Chi phí nhân công	18,472,727,728	9,438,606,891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,655,518,169	1,507,746,782
Chi phí dự phòng	68,479,428	-
Thuế, phí, và lệ phí	70,863,562	201,776,509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,885,450,683	1,419,752,693
Chi phí khác bằng tiền	4,770,363,072	4,625,747,072
	<b>30,450,745,250</b>	<b>18,441,078,770</b>

## 28. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	308,018,304	199,722,306
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	336,331,968	5,188,282,005
Tiền phạt thu được từ bồi thường	-	305,241,277
Xử lý công nợ không phải trả Công ty Quảng Nam	-	1,650,000,000
Thu nhập khác	127,532,559	170,653,531
	<b>771,882,831</b>	<b>7,513,899,119</b>

## 29. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ	748,904,858	5,163,561,918
Chi tiền làm từ thiện	15,000,000	300,000,000
Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy	-	273,749,390
Phạt chấm dứt hợp đồng	3,600,000,000	-
Các khoản bị phạt thuế, phạt hành chính	353,204,148	-
Gia hạn dự án Golf1	-	395,486,000
Chi phí khác	765,035,616	178,931,837
	<b>5,482,144,622</b>	<b>6,311,729,145</b>



### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31,857,093,375	10,172,339,447
Các khoản điều chỉnh tăng	1,032,764,149	2,663,231,837
Chi phí không hợp lệ	1,032,764,149	2,663,231,837
Các khoản điều chỉnh giảm	(9,564,000,000)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9,564,000,000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	23,325,857,524	12,835,571,284
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>4,665,171,505</b>	<b>2,567,114,257</b>
	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	234,911,280	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2,409,885,600	(157,228,657)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3,565,118,652)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>3,744,849,733</b>	<b>2,409,885,600</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(19,080,981,818)	-
Các khoản điều chỉnh tăng	28,363,397,093	-
Chi phí không hợp lệ	28,363,397,093	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	9,282,415,275	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1,856,483,055</b>	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(1,856,483,055)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	6,521,654,560	2,567,114,257
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>3,744,849,733</b>	<b>2,409,885,600</b>

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12,978,220,354	1,548,631,426
Chi phí nhân công	18,678,017,627	13,750,573,127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,691,259,653	5,618,819,186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236,751,695,276	96,549,418,279
Chi phí khác bằng tiền	54,857,887,032	10,288,809,854
<b>Tổng</b>	<b>330,957,079,942</b>	<b>127,756,251,872</b>

### 31. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,973,596,798	-	5,718,660,357	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72,817,870,524	(68,479,428)	39,311,140,456	(70,183,000)
Đầu tư ngắn hạn	13,923,704,222	(1,008,920,250)	50,626,000,000	-
	<b>94,715,171,544</b>	<b>(1,077,399,678)</b>	<b>95,655,800,813</b>	<b>(70,183,000)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	116,517,172,803	100,394,649,723
Phải trả người bán, phải trả khác	82,624,807,032	55,240,945,607
Chi phí phải trả	1,371,069,905	119,242,931
	200,513,049,740	155,754,838,261

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Lãnh đạo Công ty Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	12,914,783,972	-	-	12,914,783,972
	<b>12,914,783,972</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12,914,783,972</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong

tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên

tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,973,596,798	-	-	7,973,596,798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72,714,391,096	35,000,000	-	72,749,391,096
	<b>80,687,987,894</b>	<b>35,000,000</b>	<b>-</b>	<b>80,722,987,894</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,718,660,357	-	-	5,718,660,357
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34,928,380,656	4,312,576,800	-	39,240,957,456
	<b>40,647,041,013</b>	<b>4,312,576,800</b>	<b>-</b>	<b>44,959,617,813</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	30,300,592,200	86,216,580,603	-	116,517,172,803
Phải trả người bán, phải trả khác	81,707,037,032	917,770,000	-	82,624,807,032
Chi phí phải trả	1,371,069,905	-	-	1,371,069,905
	<b>113,378,699,137</b>	<b>87,134,350,603</b>	<b>-</b>	<b>200,513,049,740</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	47,663,798,310	52,730,851,413	-	100,394,649,723
Phải trả người bán, phải trả khác	54,323,175,607	917,770,000	-	55,240,945,607
Chi phí phải trả	119,242,931	-	-	119,242,931
	<b>102,106,216,848</b>	<b>53,648,621,413</b>	<b>-</b>	<b>155,754,838,261</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	190,802,490,530	90,662,656,039
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	174,679,967,450	97,048,759,758

**34. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2017, Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Hoạt động sáp nhập dự kiến sẽ diễn ra vào Quý II/2018.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**35. Báo cáo bộ phận**


Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**36. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.


Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2018

**Người lập biểu**




**HOÀNG THỊ MỸ TRANG**

**Kế toán trưởng**



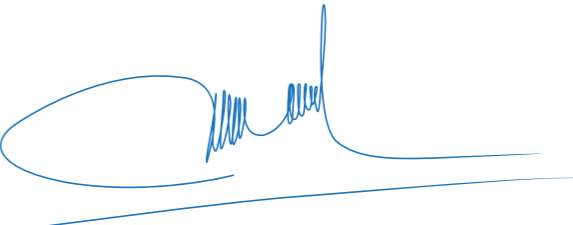
**BÙI TẤN KHẢI**

**Tổng Giám đốc**



**PHAN THỊ HỒNG VÂN**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**NGUYỄN THẾ VINH**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

253 Hoàng Văn Thụ, P. 2,  
Quận Tân Bình, TP.HCM

Tel: (+84) 28 3971 6571  
Email: [info@ttctourist.vn](mailto:info@ttctourist.vn)

Hotline: **1900 55 88 55**